

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRẦN HỒNG NGỌC

**TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG TRONG
GIAI ĐOẠN TRUY TỐ TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ
NINH BÌNH**

**Ngành: Luật hình sự và Tố tụng hình sự
Mã số: 8 38 01 04**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỐ TỤNG HÌNH SỰ

Người hướng dẫn khoa học: TS. Phan Thị Thanh Mai

HÀ NỘI, 2018

LỜI CAM ĐOAN

*Tôi xin cam đoan luận văn thạc sĩ “**Trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố từ thực tiễn Thành phố Ninh Bình**” là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu và tài liệu trong luận văn là trung thực và chưa được công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào. Tất cả những tham khảo và kế thừa đều được trích dẫn và tham chiếu đầy đủ*

Học viên

Trần Hồng Ngọc

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	: Bộ Luật hình sự
BLTTHS	: Bộ Luật tố tụng hình sự
CQĐT	: Cơ quan điều tra
ĐTBS	: Điều tra bổ sung
TTHS	: Tố tụng hình sự
VKS	: Viện kiểm sát

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÍ LUẬN CHUNG VỀ TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG TRONG GIAI ĐOẠN TRUY TỐ	10
1.1. Khái niệm trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố	10
1.2. Ý nghĩa của trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố	19
Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2015 VỀ TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG TRONG GIAI ĐOẠN TRUY TỐ. 32	32
2.1. Quy định của BLTTHS năm 2015 về thẩm quyền trả hồ sơ điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố	32
2.2. Quy định của BLTTHS năm 2015 về trường hợp trả hồ sơ điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố	33
2.3. Quy định của BLTTHS năm 2015 về nội dung trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố	42
2.4. Quy định của BLTTHS năm 2015 về hậu quả pháp lí của việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố	43
Chương 3: THỰC TRẠNG TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG Ở THÀNH PHỐ NINH BÌNH VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ.....	46
3.1. Thực trạng trả hồ sơ điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố ở Thành phố Ninh Bình	46
3.2. Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố	61
KẾT LUẬN	74
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	76

DANH MỤC BẢNG BIỂU

- Bảng 3.1. : Tình hình VKSND Thành phố Ninh Bình trả hồ sơ để điều tra bổ sung từ năm 2013 đến năm 2017
- Bảng 3.2. : Thực trạng các trường hợp trả hồ sơ để DTBS ở Thành phố Ninh Bình từ năm 2013 đến năm 2017

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Để đi đến một phương án giải quyết một vụ án hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng cần phải trải qua nhiều giai đoạn, khi đầy hồ sơ vụ án được chuyển đến nhiều cơ quan tiến hành tố tụng khác nhau trong từng giai đoạn khác nhau. Trong đó, giai đoạn điều tra và giai đoạn truy tố đóng vai trò rất quan trọng, vì chỉ khi Cơ quan điều tra (CQĐT) có kết luận điều tra đúng hướng, Viện kiểm sát (VKS) truy tố đúng người, đúng tội thì mới tạo cơ sở cho Tòa án xét xử vụ án chính xác, hiệu quả và nhanh chóng. Hiện nay, các hành vi tội phạm ngày càng tinh vi, xảo quyệt làm phát sinh các tình tiết mới trong giai đoạn tố tụng diễn ra ngày càng nhiều. Hơn nữa, có thể xảy ra bất cập trong yếu tố chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp của một bộ phận cán bộ điều tra làm sai lệch kết quả điều tra, khiến quá trình luận tội để đưa ra xét xử bị lệch hướng. Vì vậy, đã có không ít các trường hợp điều tra, truy tố chưa đầy đủ, còn để lọt tội phạm hoặc có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) thì khi hồ sơ được chuyển sang giai đoạn truy tố mà có căn cứ để trả hồ sơ điều tra bổ sung (ĐTBS) thì VKS quyết định trả hồ sơ ĐTBS để CQĐT thực hiện. Cụ thể, khi nghiên cứu hồ sơ vụ án mà phát hiện thấy hồ sơ còn thiếu những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể tự mình bổ sung được; khi có căn cứ để cho rằng bị can phạm một hay nhiều tội khác hoặc có đồng phạm, người phạm tội khác liên quan; hoặc khi có phát hiện vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng thì VKS sẽ ra quyết định trả hồ sơ để ĐTBS nhằm khắc phục những thiếu sót, tồn tại trong giai đoạn tố tụng trước và giải quyết vụ án theo hướng đúng đắn.

Chế định trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố đã được quy định trong BLTTHS và được hướng dẫn bởi các văn bản dưới luật. So với

BLTTHS năm 2003 thì BLTTHS năm 2015, đã bổ sung thêm quy định về Nhập hoặc tách vụ án trong giai đoạn truy tố, tuy nhiên căn cứ để trả hồ sơ ĐTBS (Điều 245) và căn cứ để nhập hoặc tách vụ án (Điều 242). Quy định thêm nội dung này là nhằm tháo gỡ những vướng mắc đã xảy ra trong thời gian qua, do thiếu quy định này nên một số trường hợp VKS phải trả hồ sơ cho CQĐT với lý do để ĐTBS, nhưng thực chất là để làm thủ tục nhập hoặc tách vụ án. Do quy định này có thể hiểu được tách ra để cụ thể hóa một phần từ chế định trả hồ sơ để ĐTBS nên dẫn đến tư duy bị chòng chéo, tuy đã có văn bản dưới luật ban hành để hướng dẫn nhưng những quy định này chưa thực sự rõ ràng dễ xảy ra tình trạng áp dụng không thống nhất. Thông tư 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP Quy định việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong thực hiện một số quy định của BLTTHS về trả hồ sơ để ĐTBS đã hướng dẫn cụ thể hơn chế định trả hồ sơ để ĐTBS (Sau đây gọi là Thông tư liên tịch số 02/2017), chế định này có ảnh hưởng đến các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, có những xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng... Tuy nhiên, theo điểm a Khoản 2 Điều 6 Thông tư này có quy định VKS không trả hồ sơ để ĐTBS khi có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nhưng không xâm hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng; như vậy trong một số trường hợp như: khởi tố vụ án hình sự nhưng không có yêu cầu của bị hại hoặc của người đại diện của bị hại theo quy định tại khoản 1 Điều 155 của BLTTHS năm 2015; biên bản về hoạt động điều tra, thu thập, nhận được tài liệu liên quan đến vụ án mà không chuyển cho VKS theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 88 của BLTTHS năm 2015; việc điều tra không đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật; nhập vụ án hoặc tách vụ án không đúng quy định tại Điều 170 hoặc Điều 242 của BLTTHS năm 2015 thì VKS không ra quyết định trả hồ sơ cho CQĐT mà có thể đưa ra quyết định nhập, tách vụ án hình sự.

Chế định trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố đã được pháp luật Việt Nam quy định từ khi ban hành BLTTHS năm 1988, ở BLTTHS năm 2003 chế định này được hoàn thiện hơn nhưng cho đến BLTTHS năm 2015 thì chế định này đã được hoàn thiện hơn cả. Quy định trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố ra đời từ lâu, nhưng qua thực tiễn áp dụng có để lại hệ quả như hiện tượng trả hồ sơ tràn lan, không căn cứ ảnh hưởng đến quá trình tố tụng; lạm dụng thẩm quyền, xem nhẹ quy định về thời hạn điều tra hoặc kéo theo thời hạn điều tra của nhiều vụ án,... Thành phố Ninh Bình có vị trí địa lý ở trung tâm tỉnh, là nơi trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh, có vị trí giao thông thuận lợi. Ngoài ra, Thành phố Ninh Bình còn nằm ở gần các khu, tuyến, cụm điểm du lịch thu hút một lượng lớn khách du lịch trong và ngoài nước quanh năm. Cũng là nơi tập trung nhiều khu công nghiệp, thu hút nhiều nhân công lao động trong và ngoài tỉnh. Tuy nhiên, mặt trái là hình thành nên cơ cấu tội phạm đa dạng, có quy mô, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho kẻ xấu có cơ hội trà trộn hoạt động trái pháp luật trên địa bàn. Tuy tình hình an ninh trật tự trên địa bàn thành phố Ninh Bình, những năm gần đây được duy trì khá ổn định, không phát hiện tội phạm có tổ chức, băng nhóm hoạt động theo phương thức xã hội đen, không có các điểm nóng về tội phạm. Tuy nhiên, tình hình tội phạm còn tiềm ẩn những diễn biến phức tạp và đang có chiều hướng gia tăng, nguyên nhân tình hình phạm tội là do tình hình kinh tế - xã hội trong những năm gần đây gặp nhiều khó khăn, một bộ phận người lao động không có việc làm, thanh thiếu niên lười lao động, một số giá trị đạo đức xã hội và gia đình xuống cấp, công tác quản lý Nhà nước trên một số lĩnh vực còn thiếu sót, ý thức chấp hành pháp luật của người dân chưa cao, bên cạnh đó trong quá trình điều tra đã có những sơ sót trong vấn đề định tội danh dẫn đến công tác điều tra chưa thực sự đạt được hiệu quả tích cực do đó xảy ra việc VKS phải yêu cầu trả lại hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố.

Ngày 02 tháng 06 năm 2005, Bộ Chính trị đã đưa ra Nghị quyết số 49-NQ/TW về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 với mục tiêu “Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao” việc nghiên cứu chế định trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố góp phần thực hiện chủ trương của Đảng, nhà nước về cải cách tư pháp, khắc phục những hạn chế trong công tác tư pháp, đưa công tác này phát triển một bước cùng với quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, và đưa ra một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới.

Từ những lí do trên, tác giả chọn đề tài “***Trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố từ thực tiễn tại Thành phố Ninh Bình***” để nghiên cứu viết trong luận văn của mình, với mong muốn từ những hiểu biết của mình, có thể làm rõ hơn các quy định của pháp luật, nguyên nhân và đưa ra một số kiến nghị, giải pháp để giải quyết những bất cập xung quanh vấn đề này từ thực tiễn của Thành phố Ninh Bình

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Xuất hiện trong hệ thống các quy định về TTHS của Việt Nam từ khá sớm, xong vấn đề “Trả hồ sơ để điều tra bổ sung” vẫn còn tồn tại những bất cập, vướng mắc, do vậy nhiều năm qua đề tài này vẫn được nhiều chuyên gia, nhà khoa học đưa ra phân tích, bình luận. Trong các luận văn, luận án, công trình nghiên cứu của mình, không ít các tác giả đã chọn đề tài liên quan đến vấn đề các giai đoạn trả hồ sơ để ĐTBS để nghiên cứu. Có thể kể đến như:

Luận văn “***Trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong tố tụng hình sự Việt Nam***” của tác giả Nguyễn Đức Hạnh (2009) đưa ra một số tồn tại, vướng mắc trong quy định của chế định trả hồ sơ để ĐTBS và thực tiễn áp dụng,

phân tích thực trạng trả hồ sơ để ĐTBS từ năm 2002 đến 2008 giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, chỉ ra được nguyên nhân của tình trạng trả hồ sơ để ĐTBS nhiều trong TTHS và đưa ra giải pháp, kiến nghị để hạn chế tình trạng trả hồ sơ để ĐTBS, đáp ứng được yêu cầu đặt ra đối với hoạt động TTHS.

Luận văn “*Chế định trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*” của tác giả Nguyễn Thị Hải Châu (2010) trình bày một số vấn đề lý luận về trả hồ sơ để ĐTBS cũng như khái niệm, căn cứ, mối quan hệ chế ước giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, đánh giá thực trạng từ năm 2002 đến năm 2006 về quy định pháp luật và thực trạng trả hồ sơ để ĐTBS của VKS, Tòa án, từ đó nêu được nguyên nhân của thực trạng trên và đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả chế định trả hồ sơ để ĐTBS trong cải cách tư pháp;

Luận văn “*Trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố từ thực tiễn thành phố Hà Nội*” của tác giả Lê Thị Thu Thủy (2017) trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận, quy định của pháp luật TTHS về trả hồ sơ để ĐTBS trong quá trình truy tố; thực trạng và đánh giá thực trạng trả hồ sơ để ĐTBS trong quá trình truy tố của Thành phố Hà Nội những năm gần đây, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện tốt hơn quy định của pháp luật và hạn chế trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố;

Luận văn “*Trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm theo Pháp luật Tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn Thành phố Hải Phòng*” của tác giả Nguyễn Thị Thương Huyền (2016) trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận; phân tích, đánh giá thực trạng trong hoạt động trả hồ sơ để ĐTBS của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng trong thời gian qua; tìm hiểu về các nguyên nhân dẫn đến Tòa án phải trả hồ sơ cũng như việc ban hành các quyết định trả hồ sơ để ĐTBS chưa đúng quy định của pháp luật. Từ đó, đưa ra đề xuất những giải pháp trong hoạt động trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn xét xử sơ thẩm của TAND thành phố Hải Phòng;

“Một số ý kiến về việc áp dụng quy định trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong BLTTHS năm 2003” của tác giả Nguyễn Minh Đức (Tập chí Tòa án nhân dân số 06/2006) Bài viết trao đổi về những nhiệm vụ, quyền hạn của VKS được quy định trong giai đoạn truy tố và một số ý kiến về nâng cao chất lượng bản cáo trạng do VKS ban hành;

“Trả hồ sơ để điều tra bổ sung” của tác giả Nguyễn Quý Lộc (Tập chí Tòa Án Nhân Dân số 08/2013) phân tích các quy định của BLTTHS về chế định trả hồ sơ để ĐTBS. Trên cơ sở phân tích các quy định tác giả đưa ra những kiến nghị để sửa đổi điều 179 BLTTHS năm 2003;

“Hoàn thiện chế định trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong Bộ luật tố tụng hình sự (sửa đổi)” của tác giả Đào Anh Tới (Tập chí Kiểm sát số 13/2014) Bài viết đề cập những điểm hạn chế, bất cập về chế định trả hồ sơ để ĐTBS trong BLTTHS năm 2003. Từ đó, tác giả đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện quy định về trả hồ sơ để ĐTBS trong Bộ luật sửa đổi;

“Giải pháp nâng cao hiệu quả chế định trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong các quy định của BLTTHS năm 2015” của tác giả Nguyễn Thị Hải Châu (Tập chí Tòa án nhân dân điện tử) Bài viết chỉ ra quy định pháp luật về chế định trả hồ sơ để ĐTBS trong BLTTHS năm 2003 và BLTTHS năm 2015. Chỉ ra thực trạng thông qua số liệu thống kê trong Báo cáo 9 tháng đầu năm 2017 của Tòa án các cấp về vấn đề trả hồ sơ để ĐTBS, từ đó đưa ra một số giải pháp khắc phục tình trạng này.

“Giải pháp để hạn chế việc trả hồ sơ điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố” của tác giả Lê Tấn Cường (Tập chí Kiểm sát số 10/2014) Bài viết chỉ ra những nguyên nhân chủ quan và khách quan của trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố, từ đó đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác của VKS để hạn chế việc trả hồ sơ ĐTBS trong giai đoạn truy tố;

Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát trong giai đoạn truy tố và vấn đề nâng cao chất lượng bản cáo trạng - tác giả Nguyễn Minh Đức, Tập chí

Kiểm sát số 16/2016 Bài viết trao đổi về nhiệm vụ, quyền hạn của VKS được quy định trong giai đoạn truy tố và một số ý kiến nâng cao chất lượng bản cáo trạng do VKS ban hành;

Ngoài ra còn rất nhiều đề tài, bài viết, bài nghiên cứu đăng trên các báo, tạp chí chuyên ngành hoặc trong các công trình nghiên cứu khoa học khác. Tuy nhiên, chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách đầy đủ, toàn diện và hệ thống về vấn đề trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố; nhiều nội dung liên quan chưa có được cách nhìn và giải quyết thống nhất; các công trình chưa giải đáp triệt để được những vướng mắc trong thực tế đặc biệt là sau khi BLTTHS năm 2015 có hiệu lực.

3. Mục đích và nhiệm vụ của việc nghiên cứu đề tài

Mục đích nghiên cứu đề tài

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn, luận văn đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả việc trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố ở thành phố Ninh Bình.

Nhiệm vụ của việc nghiên cứu đề tài

Để thực hiện được mục đích trên, luận văn cần thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Xây dựng khái niệm trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố
- Làm rõ ý nghĩa pháp lí, ý nghĩa chính trị, xã hội của việc trả hồ sơ để ĐTBS.
- Phân tích quy định của BLTTHS năm 2015 về trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố và so sánh với quy định của BLTTHS năm 2003 về trả hồ sơ để ĐTBS.
- Làm rõ thực trạng trả ĐTBS trong giai đoạn truy tố ở Thành phố Ninh Bình, đưa ra đánh giá về kết quả đạt được và những hạn chế, vướng mắc trong hoạt động trả hồ sơ để ĐTBS; đồng thời xác định được nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc

- Đề xuất giải pháp về giải thích pháp luật và những giải pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả việc trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố ở Thành phố Ninh Bình.

1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn

- Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những vấn đề lí luận chung về trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố; pháp luật Việt Nam về trả hồ sơ để ĐTBS sung trong giai đoạn truy tố và thực trạng trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố ở thành phố Ninh Bình.

- Phạm vi nghiên cứu: Về lí luận, luận văn nghiên cứu về khái niệm và ý nghĩa của trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố; Về pháp luật, luận văn tập trung vào nghiên cứu quy định của BLTTHS năm 2015 về trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố, có so sánh với quy định của BLTTHS năm 2003 về trả hồ sơ để ĐTBS; luận văn nghiên cứu thực trạng trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố ở thành phố Ninh Bình từ năm 2013 đến 6 tháng đầu năm 2018.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận

Luận văn được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp luật. Các giải pháp luận văn đưa ra nghiên cứu dựa trên những quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về cải cách tư pháp và hoàn thiện hệ thống pháp luật trong giai đoạn hiện nay.

Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong luận văn là các phương pháp truyền thống trong nghiên cứu khoa học pháp lí, đó là phương pháp phân tích và tổng hợp lí thuyết để nghiên cứu những vấn đề lí luận và pháp luật; sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp thực tiễn để nghiên cứu nghiên cứu thực trạng trả hồ sơ để ĐTBS; phương pháp phân tích, tổng

hợp, lí luận kết hợp thực tiễn để nghiên cứu đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố ở thành phố Ninh Bình. Ngoài ra, tác giả luận văn còn sử dụng phương pháp so sánh luật khi nghiên cứu quy định của BLTTHS năm 2003 và BLTTHS năm 2015 về trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố ở Thành phố Ninh Bình

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

- Ý nghĩa khoa học của luận văn

Trong phạm vi nghiên cứu của luận văn thạc sĩ, ở một mức độ nhất định, luận văn đã có những đóng góp vào sự phát triển của khoa học luật TTHS, làm rõ thêm những vấn đề lí luận về trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố và góp phần thống nhất nhận thức về các quy định của BLTTHS năm 2015 về trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố.

- Ý nghĩa thực tiễn của của luận văn

Luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo phục vụ việc học tập và nghiên cứu khoa học ở các cơ sở đào tạo luật. Luận văn cũng có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho các CQĐT, VKS ở thành phố Ninh Bình trong thực tiễn tiến hành tố tụng và cũng có thể làm tài liệu tham khảo cho những cá nhân quan tâm đến đề tài này.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được kết cấu làm ba chương:

Chương 1: Những vấn đề lí luận về trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố

Chương 2: Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về trả hồ sơ điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố

Chương 3: Thực trạng trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở thành phố Ninh Bình trong những năm gần đây và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động này

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG TRONG GIAI ĐOẠN TRUY TỐ

1.1. Khái niệm trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố

Truy tố là giai đoạn của TTHS, trong đó VKS tiến hành các hoạt động cần thiết nhằm truy tố bị can ra trước tòa án để xét xử hoặc ra những quyết định tố tụng khác để giải quyết đúng đắn vụ án hình sự. [40,tr.367] Giai đoạn truy tố là giai đoạn quan trọng trong trình tự tố tụng, giai đoạn này là tiền đề của giai đoạn xét xử, quyết định truy tố của VKS là cơ sở pháp lý để Tòa án xét xử sơ thẩm. Đồng thời giai đoạn truy tố góp phần khắc phục sai lầm, thiếu sót, vi phạm thủ tục tố tụng của CQĐT đã xảy ra trong quá trình điều tra vụ án hình sự. Việc truy tố của VKS chính xác sẽ hạn chế việc buộc tội oan, sai, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác xét xử, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Để đảm bảo cho việc ra quyết định truy tố có căn cứ và đúng pháp luật, trong giai đoạn này VKS phải xem xét, đánh giá về tính hợp pháp của các hoạt động tố tụng trong khởi tố, điều tra vụ án hình sự; xem xét, đánh giá về chứng cứ của vụ án và xem xét đánh giá quá trình chứng minh xác định sự thật của vụ án có bảo đảm khách quan, toàn diện, đầy đủ hay không. Kết quả của quá trình khởi tố, điều tra vụ án hình sự được thể hiện trong hồ sơ vụ án do CQĐT lập và chuyển sang cho VKS cùng với đề nghị truy tố bị can trước Tòa án. Trong giai đoạn truy tố, VKS nghiên cứu hồ sơ vụ án do CQĐT chuyển sang trên cơ sở đó xem xét, quyết định việc truy tố bị can ra trước Tòa án hoặc ra những quyết định tố tụng khác để giải quyết vụ án hình sự. Hồ sơ vụ án hình sự là tổng hợp các văn bản, tài liệu được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập hoặc lập ra trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố,

xét xử vụ án hình sự, được sắp xếp theo một trình tự nhất định phục vụ cho việc giải quyết vụ án và lưu trữ lâu dài. [19] Sau khi nhận hồ sơ vụ án do CQĐT chuyển sang, VKS phải kiểm tra việc chấp hành các thủ tục tố tụng, tính đầy đủ, hợp pháp của các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án. VKS cần nghiên cứu cả về thủ tục tố tụng và nội dung sự việc. Phải nghiên cứu đầy đủ các tình tiết về từng sự việc, về từng tội của vụ án theo thứ tự hợp lý. Về thủ tục tố tụng cần nghiên cứu xem xét việc tiến hành điều tra, truy tố có tuân thủ các quy định của BLTTHS và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan hay chưa để có quyết định tương ứng. Về nội dung vụ án, cần nghiên cứu đầy đủ toàn diện các tài liệu có trong hồ sơ vụ án về những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự. Khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, nếu VKS phát hiện có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong quá trình khởi tố, điều tra; không đủ chứng cứ để làm rõ những vấn đề phải chứng minh mà VKS không thể tự mình bổ sung được hoặc qua nghiên cứu hồ sơ phát hiện CQĐT còn để lọt người, lọt tội thì VKS sẽ phải trả hồ sơ để ĐTBS. Tương tự như vậy, nếu có những căn cứ nêu trên, trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, Tòa án cũng có quyền trả hồ sơ để ĐTBS.

Trả hồ sơ để điều ĐTBS đã được quy định trong BLTTHS năm 1988 và ngày càng được hoàn thiện hơn trong BLTTHS năm 2003 và BLTTHS năm 2015. Về mặt khoa học, khái niệm trả hồ sơ để ĐTBS đã được các tác giả tiếp cận ở các góc độ và phạm vi khác nhau và đã đưa ra những khái niệm cụ thể khác nhau.

- Quan điểm thứ nhất: Trả hồ sơ để ĐTBS là chế định của luật TTHS quy định VKS hoặc Tòa án chuyển trả hồ sơ cho VKS hoặc CQĐT để điều tra thêm về vụ án hình sự theo các căn cứ được quy định trong BLTTHS nhằm mục đích làm sáng tỏ vụ án hình sự, để Tòa án xét xử vụ án một cách công minh, chính xác, khách quan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội. [8] Quan điểm này tiếp cận trả hồ

sơ để ĐTBS ở góc độ là một chế định pháp luật. Quan điểm này đã nêu được chủ thể trả hồ sơ để ĐTBS là Tòa án, VKS; chủ thể có trách nhiệm ĐTBS là VKS, CQĐT; nêu được mục đích của việc trả hồ sơ để ĐTBS tuy nhiên chưa nêu rõ các căn cứ trả hồ sơ để ĐTBS.

- Quan điểm thứ hai: Trả hồ sơ để ĐTBS của Tòa án cấp sơ thẩm là việc Tòa án cấp sơ thẩm trong giai đoạn chuẩn bị xét xử hoặc tại phiên tòa quyết định trả lại hồ sơ hình sự cho VKS nơi ra quyết định truy tố để ĐTBS nhằm khắc phục những thiếu sót trong quá trình điều tra, truy tố để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án hình sự được khách quan, toàn diện và đúng các quy định của pháp luật. [17] Quan điểm này tiếp cận trả hồ sơ để ĐTBS ở góc độ là hoạt động tố tụng và chỉ tiếp cận trả hồ sơ để ĐTBS ở phạm vi hẹp đó là nghiên cứu việc Tòa án cấp sơ thẩm trả hồ sơ cho VKS để ĐTBS. Khái niệm này đã nêu được chủ thể trả hồ sơ, chủ thể có trách nhiệm ĐTBS, thời điểm trả hồ sơ và mục đích của việc tòa án trả hồ sơ để ĐTBS nhưng không nói rõ căn cứ trả hồ sơ để ĐTBS.

- Quan điểm thứ ba: Trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố là hoạt động tố tụng do VKS thực hiện sau khi nhận bản kết luận điều tra, đề nghị truy tố cùng hồ sơ vụ án do CQĐT chuyển đến khi có căn cứ và được thực hiện theo quy định của pháp luật nhằm bảo đảm cho việc giải quyết vụ án hình sự được khách quan, đúng người đúng tội đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm. [37] Cũng giống như quan điểm thứ hai, quan điểm này tiếp cận trả hồ sơ để ĐTBS ở góc độ là hoạt động tố tụng và chỉ tiếp cận trả hồ sơ để ĐTBS ở phạm vi hẹp đó là chỉ nghiên cứu việc trả hồ sơ để ĐTBS ở giai đoạn truy tố. Khái niệm này đã xác định chủ thể trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố là VKS, thời điểm thực hiện, căn cứ, cách thức thực hiện và mục đích của việc trả hồ sơ để ĐTBS. Khái niệm này ngắn gọn nhưng chưa cụ thể, chưa thể hiện rõ những đặc điểm của việc trả hồ sơ để ĐTBS.

Trong luận văn này, tác giả tiếp cận khái niệm trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố ở góc độ đó là một hoạt động tố tụng và chỉ trong giai đoạn truy tố. Theo tác giả luận văn, để làm rõ khái niệm trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố ở góc độ và phạm vi tiếp cận này, cần làm rõ những nội dung sau:

- Chủ thể thực hiện hoạt động trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố.

Chủ thể có quyền trả hồ sơ để ĐTBS là Tòa án và VKS, trong giai đoạn xét xử hai chủ thể có thể ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung là Thẩm phán chủ tọa phiên Tòa có thẩm quyền trả hồ sơ để ĐTBS ở giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử có thẩm quyền trả hồ sơ để ĐTBS ở giai đoạn xét xử thì trong giai đoạn truy tố, chỉ có VKS là chủ thể có quyền trả hồ sơ để ĐTBS. “VKS nhân dân là cơ quan thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. VKS nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.” [34, Điều 2] Trong giai đoạn truy tố, VKS thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Để thực hành quyền công tố, VKS tiến hành những hoạt động cụ thể như yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu liên quan đến vụ án trong trường hợp cần thiết; trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra nhằm kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ để quyết định việc truy tố; ra các quyết định tố tụng như quyết định khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can trong trường hợp phát hiện vụ án còn có hành vi phạm tội, người phạm tội khác chưa được khởi tố, tiến hành điều tra; quyết định việc tách, nhập vụ án, chuyển vụ án để truy tố theo thẩm quyền, áp dụng thủ tục rút gọn, áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh. Căn cứ vào kết quả của việc nghiên cứu hồ sơ vụ án và bổ sung, củng cố chứng cứ trong giai đoạn truy tố, căn cứ vào các điều kiện pháp lý khác VKS quyết định truy tố, không truy tố bị can trước Tòa

án hoặc ra các quyết định khác như quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án, bị can; quyết định trả hồ sơ cho CQĐT để ĐTBS. [34, Điều 16] Như vậy, việc trả hồ sơ để ĐTBS là hoạt động thuộc chức năng công tố của VKS. Để quyết định việc truy tố hay không truy tố bị can trước Tòa án, VKS phải chắc chắn về việc buộc tội của mình. Nếu thấy hồ sơ chứng cứ chưa đầy đủ mà VKS không tự mình bổ sung được hoặc đề nghị truy tố của CQĐT chưa đầy đủ, còn bỏ lọt người, lọt tội thì VKS trả hồ sơ để CQĐT ĐTBS. Ngoài việc thực hành quyền công tố, theo quan điểm của tác giả luận văn, việc VKS trả hồ sơ để ĐTBS cũng là kết quả của hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra. Hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra của VKS được tiến hành trực tiếp trong giai đoạn điều tra nhưng ở giai đoạn truy tố, VKS qua việc nghiên cứu hồ sơ vụ án, VKS vẫn có thể phát hiện những vi phạm pháp luật của CQĐT khi tiến hành các hoạt động điều tra. Nếu phát hiện vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong hoạt động điều tra VKS có quyền ra quyết định trả hồ sơ để ĐTBS để khắc phục những vi phạm thủ tục tố tụng đó.

Việc VKS trả hồ sơ yêu cầu ĐTBS cũng là hoạt động thể hiện mối quan hệ phối hợp - chế ước giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng nói chung và giữa VKS và CQĐT nói riêng. Các cơ quan này có nhiệm vụ phối hợp với nhau tiến hành các hoạt động của mình theo quy định của BLTTHS, đồng thời có quyền phát hiện, tự mình sửa chữa hoặc đề nghị sửa chữa những sai lầm của các cơ quan khác theo quy định của pháp luật.

- Thời điểm trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố:

Nếu ở giai đoạn xét xử, Tòa án trả hồ sơ yêu cầu VKS ĐTBS có thể trả hồ sơ ở 02 giai đoạn là giai đoạn chuẩn bị xét xử và giai đoạn xét xử thì VKS trả hồ sơ để ĐTBS chỉ được thực hiện trong giai đoạn truy tố. Truy tố là giai đoạn của TTHS, trong đó VKS tiến hành các hoạt động cần thiết nhằm truy tố bị can trước toà án để xét xử hoặc ra những quyết định tố tụng

khác để giải quyết đúng đắn vụ án hình sự. Giai đoạn truy tố được bắt đầu từ khi VKS nhận đầy đủ hồ sơ vụ án cùng bản án kết luận điều tra đề nghị truy tố từ CQĐT và kết thúc khi VKS quyết định đình chỉ vụ án hoặc truy tố bị can trước Tòa án. Nhiệm vụ cơ bản của giai đoạn này là quyết định việc truy tố bị can trước tòa án hoặc ra các quyết định khác để giải quyết vụ án có căn cứ và đúng pháp luật. Trong TTHS, các giai đoạn tố tụng có mối quan hệ mật thiết với nhau, mỗi giai đoạn tuy độc lập nhưng vẫn nằm trong mối quan hệ khăng khít với nhau và tạo thành hoạt động thống nhất. Giai đoạn trước là tiền đề cần thiết cho việc thực hiện nhiệm vụ của giai đoạn sau, giai đoạn sau kiểm tra giai đoạn trước. [40, tr.11] Giai đoạn truy tố với vị trí là giai đoạn tiếp theo của giai đoạn điều tra, vì vậy mối quan hệ giữa giai đoạn truy tố và giai đoạn điều tra cũng thể hiện rõ nét mối quan hệ giữa các giai đoạn tố tụng, đồng thời cũng thể hiện rõ nét mối quan hệ phối hợp và chế ước giữa CQĐT và VKS. Giai đoạn truy tố chỉ phát sinh khi CQĐT kết thúc điều tra bằng việc đề nghị VKS truy tố bị can trước Tòa án. Tuy nhiên, ở giai đoạn truy tố, VKS không mặc nhiên truy tố theo đề nghị của CQĐT mà phải xem xét đề nghị truy tố của CQĐT là có căn cứ và đúng pháp luật hay không để quyết định việc truy tố. Nếu chứng cứ chưa đầy đủ, lọt người, lọt tội, hoặc có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong hoạt động điều tra thì VKS khắc phục sai lầm của CQĐT bằng cách tiến hành các hoạt động điều tra, bổ sung quyết định khởi tố vụ án, bị can hoặc trả hồ sơ để ĐTBS. Khác các giai đoạn tố tụng khác, trong giai đoạn truy tố, chỉ có VKS là cơ quan tiến hành tố tụng duy nhất, vì vậy, trong giai đoạn này không xuất hiện quan hệ giữa VKS và các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác. Tuy nhiên, việc VKS trả hồ sơ để yêu cầu CQĐT ĐTBS vẫn thể hiện quan hệ phối hợp, chế ước của VKS với CQĐT. Trong quan hệ với giai đoạn xét xử sơ thẩm, giai đoạn truy tố là tiền đề cho giai đoạn xét xử. Quyết định truy tố bị can trước Tòa án là cơ sở phát sinh giai đoạn xét xử sơ thẩm, đồng thời quyết định truy tố cũng

xác định giới hạn xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm. Việc VKS trả hồ sơ để ĐTBS nhằm bảo đảm truy tố có căn cứ và đúng pháp luật tạo cơ sở cho việc xét xử của Tòa án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; đồng thời hạn chế được việc VKS phải ĐTBS do bị Tòa án trả hồ sơ vì có sai lầm, thiếu sót trong việc truy tố.

- Căn cứ trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố:

Khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, nếu thấy hồ sơ, chứng cứ trong vụ án hoặc đề nghị truy tố của CQĐT chưa đúng, chưa đầy đủ hoặc phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong quá trình khởi tố, điều tra thì VKS có thể trả hồ sơ để ĐTBS. Có thể có nhiều trường hợp cụ thể VKS trả hồ sơ để ĐTBS nhưng theo tác giả luận văn, căn cứ để VKS trả hồ sơ để ĐTBS đó là việc điều tra của CQĐT có sai lầm, thiếu sót ở mức độ nghiêm trọng mà VKS xét thấy cần khắc phục ở giai đoạn điều tra. Thiếu sót nghiêm trọng của CQĐT có thể là hồ sơ thiếu những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà khi thiếu những chứng cứ này, VKS không có đủ căn cứ để quyết định việc truy tố hay không truy tố đối với bị can. Đó là trường hợp thiếu những chứng cứ để chứng minh một trong những vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án hình sự, bao gồm những vấn đề sau: Có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội; ai là người thực hiện hành vi phạm tội; có lỗi hay không có lỗi, do cố ý hay vô ý; có năng lực chịu trách nhiệm hình sự hay không, mục đích, động cơ phạm tội; những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng chịu trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo và đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo; tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra; nguyên nhân và điều kiện phạm tội; những tình tiết khác liên quan đến việc loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt. [31, Điều 85] là những chứng cứ không thể thiếu để xác định sự thật của vụ án và để giải quyết đúng đắn vụ án hình sự. Tinh thần của nhà làm luật đối với thủ tục trả hồ sơ để ĐTBS là

đảm bảo giải quyết vụ án khách quan, toàn diện, đầy đủ và đúng pháp luật, tránh lạm dụng thủ tục này khiến cho vụ án bị kéo dài, xâm phạm quyền và lợi ích của những người tham gia tố tụng. Do đó, VKS chỉ trả hồ sơ vụ án để yêu cầu ĐTBS khi thỏa mãn hai điều kiện: một là thiếu những chứng cứ như nêu trên, hai là VKS không thể tự mình bổ sung được. Nếu VKS có thể khắc phục bằng việc yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu liên quan đến vụ án trong trường hợp cần thiết hoặc tự mình tiến hành một số hoạt động ĐTBS tài liệu, chứng cứ để quyết định việc truy tố thì không trả hồ sơ để ĐTBS. VKS cũng không trả hồ sơ nếu là chứng cứ quan trọng nhưng nếu thiếu vẫn truy tố được hoặc không thể thu thập được.

Ngoài việc thiếu chứng cứ xác định những vấn đề cần phải chứng minh của vụ án, thiếu sót của CQĐT còn thể hiện ở việc kết luận điều tra đề nghị truy tố không đầy đủ, còn để lọt người, lọt tội. Nếu phát hiện ngoài tội phạm đã khởi tố và điều tra, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy còn có căn cứ để khởi tố bị can về một hoặc nhiều tội khác; ngoài bị can đã bị khởi tố và điều tra, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy còn có người đồng phạm khác hoặc có người phạm tội khác có liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố bị can thì VKS có quyền trả hồ sơ để ĐTBS, bảo đảm việc truy tố đúng người, đúng tội, không bỏ lọt tội phạm.

Căn cứ để VKS trả hồ sơ để ĐTBS ngoài việc điều tra thiếu chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà VKS không tự bổ sung được hoặc trường hợp CQĐT để lọt người, lọt tội còn dựa trên căn cứ đó là những sai lầm CQĐT trong quá trình điều tra. Những sai lầm này có thể là những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hoặc những sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật hình sự. “Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là trường hợp BLTTHS qui định bắt buộc phải tiến hành hoặc tiến hành thủ tục đó, nhưng cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng bỏ qua hoặc thực hiện không đúng, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi của bị can, bị cáo, người

bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc làm cho việc giải quyết vụ án thiếu khách quan toàn diện”. [16, mục 4.4 phần I] Trong giai đoạn điều tra, những trường hợp vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng có thể là: việc điều tra, thu thập chứng cứ quan trọng đối với vụ án không đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật nên không có giá trị chứng minh trong vụ án hình sự; chứng cứ, tài liệu không đưa vào hồ sơ vụ án hoặc bị sửa chữa, thêm bớt làm sai lệch hồ sơ vụ án; việc điều tra không đúng thẩm quyền, trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền phân công điều tra vụ án cụ thể; lệnh, quyết định của CQĐT phải có sự phê chuẩn của VKS theo quy định của pháp luật nhưng đã không có phê chuẩn của VKS hoặc việc ký lệnh, quyết định tố tụng không đúng thẩm quyền; không yêu cầu cử người bào chữa cho bị can, bị cáo theo quy định của pháp luật; xác định không đúng tư cách tham gia tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử dẫn đến xâm hại nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của họ; nhập vụ án hoặc tách vụ án không có căn cứ và trái với quy định của pháp luật; không có người phiên dịch, người dịch thuật cho người tham gia tố tụng trong trường hợp luật định; có căn cứ để xác định có việc mớm cung, bức cung, nhục hình trong quá trình tiến hành TTHS làm cho lời khai của bị can không đúng sự thật v.v... Ngoài sai lầm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, những sai lầm nghiêm trọng của CQĐT còn là những sai lầm trong việc áp dụng luật hình sự. Nếu CQĐT khởi tố và điều tra về một hay nhiều tội nhưng chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy hành vi của bị can đã thực hiện cấu thành một hay nhiều tội khác thì VKS sẽ trả hồ sơ để ĐTBS yêu cầu CQĐT khắc phục sai lầm trong việc định tội danh đối với hành vi của bị can. Sai lầm trong việc định tội danh là sai lầm nghiêm trọng của CQĐT trong việc áp dụng Bộ luật hình sự (BLHS).

Những sai lầm, thiếu sót của CQĐT có thể do VKS chủ động phát hiện ra và chủ động ra quyết định trả hồ sơ để ĐTBS. Nhưng cũng có trường hợp

những sai lầm, thiếu sót của CQĐT được Tòa án phát hiện trong giai đoạn xét xử sơ thẩm và Tòa án ra quyết định trả hồ sơ để ĐTBS. Khi nhận quyết định trả hồ sơ để ĐTBS của Tòa án, nếu VKS không tự mình ĐTBS được thì VKS phải ra quyết định trả hồ sơ để ĐTBS và chuyển ngay hồ sơ cho CQĐT để tiến hành điều tra.

- Mục đích trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố:

Trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố là hoạt động tố tụng nhằm bảo đảm việc điều tra xác định sự thật của vụ án khách quan, toàn diện, đầy đủ và đúng pháp luật, bảo đảm truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm cũng như làm oan người vô tội. Qua việc trả hồ sơ để ĐTBS VKS phát hiện được những sai lầm, thiếu sót trong hoạt động điều tra của CQĐT, từ đó yêu cầu CQĐT kịp thời sửa chữa, khắc phục những sai lầm, thiếu sót đó. Tóm lại, mục đích của việc trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố nhằm bảo đảm việc điều tra, truy tố khách quan, toàn diện, đầy đủ và đúng quy định của pháp luật, không để xảy ra oan, sai, để lọt tội phạm.

Qua những phân tích trên, tác giả luận văn đưa ra khái niệm sau: “*Trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố là việc cơ quan công tố có thẩm quyền sau khi nhận và nghiên cứu hồ sơ vụ án đưa lại hồ sơ vụ án cho cơ quan điều tra vì phát hiện có những sai lầm, thiếu sót nghiêm trọng của cơ quan điều tra trong giai đoạn khởi tố, điều tra và yêu cầu cơ quan điều tra khắc phục những sai lầm, thiếu sót đó nhằm bảo đảm việc điều tra, truy tố khách quan, toàn diện, đầy đủ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm.*”

1.2. Ý nghĩa của trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố

- Ý nghĩa pháp lí

Chế định trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố là căn cứ pháp lí để VKS trả hồ sơ yêu cầu CQĐT ĐTBS đồng thời là căn cứ pháp lí buộc

CQĐT phải ĐTBS theo yêu cầu của VKS, góp phần giải quyết đúng đắn vụ án hình sự.

Quy định cụ thể về trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố là hoạt động tố tụng thuộc thẩm quyền của VKS nên trong quá trình nghiên cứu hồ sơ VKS nhận thấy thiếu những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà VKS không thể tự mình bổ sung được; có căn cứ để khởi tố bị can về một tội phạm khác; có người đồng phạm khác hoặc người phạm tội khác liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố bị can; có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng thì VKS phải ra quyết định trả hồ sơ để ĐTBS cho CQĐT để ĐTBS, quy định này là căn cứ pháp lý để VKS được trả hồ sơ cho CQĐT để ĐTBS còn đối với CQĐT thì phải có trách nhiệm thu thập, bổ sung chứng cứ, tài liệu để có đầy đủ cơ sở giải quyết vụ án; làm lại đúng thủ tục tố tụng đã vi phạm theo yêu cầu của VKS. Chế định trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố là căn cứ pháp lý để CQĐT phải ĐTBS đối với vụ án khi có sai lầm, thiếu sót, bởi nó củng cố hoạt động chứng minh tội phạm, xác định sự thật vụ án của cơ quan tiến hành tố tụng, qua đó giúp VKS khắc phục các sai sót mà CQĐT gặp phải khi tiến hành thủ tục tố tụng và thu thập không đầy đủ các tài liệu, chứng cứ có ý nghĩa đối với vụ án. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình các cơ quan có thẩm quyền phải đảm bảo nguyên tắc xác định sự thật vụ án, giải quyết vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ. Như vậy, vai trò và trách nhiệm của VKS trong vấn đề trả hồ sơ để ĐTBS ở giai đoạn truy tố là rất quan trọng, do đó, VKS phải nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, nghiên cứu cụ thể các chi tiết trong vụ án hình sự để phát hiện ra những sai lầm, thiếu sót của CQĐT. CQĐT có trách nhiệm thi hành quyết định này, đồng thời có trách nhiệm thu thập, bổ sung chứng cứ, tài liệu để có đầy đủ cơ sở giải quyết vụ án được nhanh chóng, chính xác, tránh làm oan người vô tội, cũng như ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của người tham gia tố tụng. Qua đó, CQĐT phải rút ra những bài

học kinh nghiệm khi dễ xảy ra sai phạm trong giai đoạn điều tra trước đây. Có thể thấy, BLTTHS luôn đặt ra những nguyên tắc cơ bản yêu cầu các cơ quan tiến hành tố tụng phải tuân theo và luôn đề cao tinh thần trách nhiệm của mình trong mọi hoạt động tố tụng sao cho quá trình giải quyết vụ án hình sự được khách quan, toàn diện và chính xác nhất. BLTTHS năm 2015 đã đặt vấn đề trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thành một nguyên tắc riêng để đảm bảo thực hiện, được quy định tại Điều 17 BLTTHS này. Đối với VKS phải đặc biệt tuân thủ nguyên tắc trách nhiệm thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong TTHS quy định tại Điều 20. Đây là những nguyên tắc cơ bản buộc các cơ quan tiến hành tố tụng phải tuân theo và luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm của mình trong mọi hoạt động tố tụng, để quá trình giải quyết vụ án hình sự chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Có thể thấy, quy định về trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố là căn cứ pháp lý để VKS được trả hồ sơ để ĐTBS khắc phục sai lầm, thiếu sót trong điều tra nâng cao tinh thần trách nhiệm của CQĐT, VKS.

Chứng minh tội phạm là một quá trình bắt đầu từ khi nhận được tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của các cơ quan, tổ chức và được thực hiện thông qua các thủ tục khởi tố vụ án, khởi tố bị can, thông qua các hoạt động điều tra, kết thúc điều tra đề nghị truy tố, truy tố bằng bản cáo trạng và tiến hành xét xử, điều tra công khai tại phiên tòa. Theo Điều 13 BLTTHS năm 2015 *“Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội”*. Không ai bị coi là có tội khi hành vi do họ thực hiện chưa được chứng minh là phạm tội theo đúng các quy định của

BLTTHS năm 2015 và chưa được Tòa án xác định có tội bằng bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật. Nói cách khác, người bị buộc tội chỉ có thể bị coi là có tội khi có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Các cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm chứng minh được người bị buộc tội là người thực hiện hành vi phạm tội nào đó được quy định trong BLTTHS hiện hành để xác định một người đã thực hiện hành vi phạm tội. Ngược lại, các cơ quan tiến hành tố tụng không chứng minh được một người đã thực hiện tội phạm thì không thể kết tội người đó. CQĐT có trách nhiệm chứng minh một người có phạm tội hay không, đưa ra các chứng cứ chứng minh kết luận đấy, đồng thời phải tuân thủ các thủ tục tố tụng trong giai đoạn này. Tuy nhiên, nếu trong giai đoạn điều tra CQĐT để xảy ra thiếu sót, sai lầm mà đã đưa ra kết luận điều tra và quyết định truy tố chuyển VKS thì VKS yêu cầu ĐTBS, đây là căn cứ pháp lý buộc CQĐT phải ĐTBS theo yêu cầu của VKS, góp phần giải quyết đúng đắn vụ án hình sự. Có thể thấy, chế định trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố là căn cứ pháp lý để CQĐT phải ĐTBS đối với vụ án khi có sai lầm, thiếu sót, đồng thời nâng cao trách nhiệm của CQĐT trong quá trình điều tra phải luôn đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tránh làm oan, sai người vô tội. Nâng cao trách nhiệm của cơ quan VKS phải giám sát chặt chẽ hơn các hoạt động điều tra của CQĐT nhằm bảo đảm cho hoạt động điều tra của CQĐT; VKS phải phát hiện kịp thời và yêu cầu, kiến nghị CQĐT khắc phục vi phạm pháp luật trong hoạt động điều tra để có thể truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

- Quy định về trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố góp phần thực hiện các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự.

Góp phần thực hiện nguyên tắc trách nhiệm thực hành quyền công tố

VKS phải đặc biệt tuân thủ nguyên tắc trách nhiệm thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong TTHS: “Viện kiểm sát

thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự, quyết định việc buộc tội, phát hiện vi phạm pháp luật nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội, người phạm tội, pháp nhân phạm tội, vi phạm pháp luật đều phải được phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh, việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, pháp nhân phạm tội, không làm oan người vô tội” (Điều 20 BLTTHS năm 2015). Đây là nguyên tắc cơ bản buộc VKS phải tuân theo và nêu cao tinh thần trách nhiệm của mình trong mọi hoạt động tố tụng, để quá trình giải quyết vụ án hình sự chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đây là một quy định cần thiết của pháp luật TTHS, mọi quyết định, hành vi trong quá trình tiến hành tố tụng phải được cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng cân nhắc, thận trọng xem xét, đánh giá khách quan, toàn diện để kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm những hành vi phạm tội theo quy định của BLHS năm 2015, đồng thời không để xảy ra tình trạng oan sai. Chế định trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố có ý nghĩa quan trọng góp phần thực hiện nguyên tắc này, bởi trong giai đoạn truy tố để có thể đưa ra quyết định ĐTBS thì VKS phải phát hiện ra những sai phạm, sơ sót trước đó của CQĐT, để yêu cầu trả hồ sơ ĐTBS cho CQĐT nhằm bảo đảm đưa ra phương án xử lý kịp thời mọi hành vi phạm tội, người phạm tội, pháp nhân phạm tội, vi phạm pháp luật, đồng thời không để lọt tội phạm và người phạm tội, pháp nhân phạm tội, không làm oan người vô tội

Góp phần thực hiện nguyên tắc xác định sự thật của vụ án

BLTTHS năm 2015 quy định các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử cần thiết để cơ quan tiến hành tố tụng xác định sự thật của vụ án. Trách nhiệm xác định sự thật của vụ án thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng được BLTTHS năm 2015 quy định cụ thể tại Điều 15 như sau: “*Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố*

tụng. Người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải áp dụng các biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội.” Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng nên để thực hiện chức năng chứng minh tội phạm của mình, cơ quan chức năng phải tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ, nghiên cứu vụ án để đánh giá chứng cứ một cách thận trọng, chính xác, hạn chế tối đa hiện tượng thiếu sót trong bất kỳ hoạt động nào bởi sai sót trong bất kể giai đoạn nào của việc chứng minh tội phạm cũng đều dẫn đến kết quả sai lệch, gây ra hậu quả nghiêm trọng. Chế định trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố góp phần thực hiện nguyên tắc xác định sự thật vụ án, bởi nó củng cố hoạt động chứng minh tội phạm, xác định sự thật vụ án của cơ quan tiến hành tố tụng, qua đó giúp VKS khắc phục các sai sót mà CQĐT gặp phải khi tiến hành thủ tục tố tụng và thu thập không đầy đủ các tài liệu, chứng cứ có ý nghĩa đối với vụ án.

Góp phần thực hiện nguyên tắc bảo đảm pháp chế

Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong TTHS có thể được hiểu là những quy định cơ bản chung nhất, được ghi nhận trong BLTTHS, có ý nghĩa chỉ đạo đối với toàn bộ hoạt động TTHS, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong khi thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng phải tuân theo toàn bộ những quy định của pháp luật TTHS. Nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa TTHS được quy định tại Điều 7 BLTTHS năm 2015: *“Mọi hoạt động tố tụng hình sự phải được thực hiện theo quy định của Bộ luật này. Không được giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử ngoài những căn cứ và trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định”*. Nội dung của nguyên tắc bảo đảm pháp

chế xã hội chủ nghĩa trong TTHS được biểu hiện cụ thể trong TTHS như sau: mọi hoạt động tiến hành tố tụng của CQĐT, VKS, Tòa án phải nghiêm chỉnh tuân thủ những quy định của BLTTHS năm 2015. Ngoài ra, người tiến hành tố tụng phải thực hiện đúng và đầy đủ các quyền tố tụng của mình, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật TTHS, chỉ được áp dụng những biện pháp mà pháp luật yêu cầu, cho phép để tiến hành các hoạt động giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử nhằm xác định tội phạm và người phạm tội. Tuy nhiên, để xảy ra tình trạng trả hồ sơ để ĐTBС do lỗi của các cơ quan có thẩm quyền vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hoặc do định tội danh sai trong quá trình giải quyết vụ án hình sự theo quy định của BLTTHS và BLHS. Việc trả hồ sơ nhằm mục đích điều tra lại, điều tra thêm, góp phần thực hiện nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong TTHS đó là: Tất cả các giai đoạn từ khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử ... phải được tiến hành đúng trình tự, thủ tục do BLTTHS năm 2015 quy định để giải quyết vụ án hình sự cụ thể tuân theo trình tự thời gian; vấn đề này có ý nghĩa trong việc thực hiện nhiệm vụ làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án, đồng thời bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân trong TTHS. Ngoài ra, các cơ quan tiến hành tố tụng được Nhà nước trao nhiệm vụ giữ vai trò trong việc phát hiện, điều tra, làm rõ và xử lý tội phạm nên mọi hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng phải được thực hiện đúng quy định của BLTTHS. Trong giai đoạn truy tố, nếu VKS phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ở giai đoạn điều tra trước đó thì VKS buộc phải trả hồ sơ để ĐTBС cho CQĐT để có thể bổ sung, khắc phục những sai sót trong quá trình điều tra trước đó. Chế định trả hồ sơ để ĐTBС góp phần thực hiện nguyên tắc pháp chế trong TTHS bởi nó không cho phép các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng các biện pháp khác ngoài các biện pháp mà BLTTHS năm 2015 quy định để giải quyết vụ án, ngoài ra chế định này không chỉ yêu cầu các cơ quan tiến hành tố tụng tuân thủ pháp

luật mà đòi hỏi các cơ quan nhà nước; các tổ chức xã hội; tổ chức đoàn thể; các tổ chức, cá nhân khác; nhất là những người tham gia tố tụng cũng phải tuân thủ pháp luật TTHS. Đồng thời, CQĐT, VKS, Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức xã hội và công dân tham gia TTHS.

Ý nghĩa chính trị - xã hội:

Trả hồ sơ để ĐTBS bảo đảm đúng pháp luật - liên quan đến đặc điểm thượng tôn pháp luật của nhà nước pháp quyền; bảo đảm quyền không làm oan, sai - liên quan đến tính dân chủ, vì dân của nhà nước pháp quyền; cùng thực hiện quyền lực nhà nước, có nhiệm vụ riêng, có sự phối hợp, chế ước giữ CQĐT và VKS - liên quan đến sự tập trung quyền lực những có phân công của nhà nước pháp quyền Điều 2 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: *“Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”*.

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức và hoạt động trên cơ sở nguyên tắc bình đẳng trong mối quan hệ giữa nhà nước và công dân. Công dân có quyền tự do dân chủ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, đồng thời làm tròn nghĩa vụ trước nhà nước. Pháp luật bảo đảm thực hiện trách nhiệm giữa nhà nước và công dân; quyền của công dân là nghĩa vụ, trách nhiệm của nhà nước, nghĩa vụ của công dân là quyền của nhà nước. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước dân chủ và pháp quyền. Dân chủ gắn với pháp luật là bản chất của nhà nước pháp quyền. Do đó, cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp đều được tổ chức và hoạt động theo pháp luật, bằng pháp luật. Nhà nước ban hành pháp luật, quản lý bằng

pháp luật, nhưng nhà nước và cơ quan nhà nước phải đặt mình dưới pháp luật, chỉ được làm những điều pháp luật cho phép; bảo đảm và phát triển quyền tự do dân chủ của nhân dân, còn nhân dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm. Dân chủ hóa là nhu cầu bức thiết của nhà nước và xã hội, là một đòi hỏi mang tính nguyên tắc. Như vậy, bản chất việc trả hồ sơ để ĐTBS là bảo đảm cho việc điều tra tuân thủ pháp luật, chính xác, khách quan, toàn diện, đầy đủ, không để lọt tội phạm và không làm oan người vô tội đáp ứng yêu cầu của nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân.

Phối hợp là một trong những nguyên tắc hoạt động không thể thiếu giữa các cơ quan nhà nước, đặc biệt quan trọng trong TTTHS. VKS, Tòa án, CQĐT và Cơ quan thi hành án có sự phối hợp chặt chẽ với nhau trong từng giai đoạn giải quyết một vụ án hình sự. Nghị quyết số 08/2002/NQ-TW về “Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới” đã thực hiện chủ trương của Đảng về cải cách tư pháp “tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan tư pháp trong hoạt động tố tụng trên cơ sở thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan” khi đề cập vấn đề nâng cao chất lượng hoạt động và đề cao trách nhiệm của các cơ quan tư pháp: (1) nâng cao chất lượng công tác điều tra, thực hiện tốt công tác tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác tội phạm, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan chuyên trách điều tra với các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra để phục vụ tốt công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. (2) VKS các cấp thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp. Hoạt động công tố phải được thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình tố tụng nhằm bảo đảm không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội, xử lý kịp thời những trường hợp sai phạm của những người tiến hành tố tụng khi thi hành nhiệm vụ. Nâng cao chất lượng công tố của kiểm sát viên tại phiên tòa, bảo đảm tranh tụng dân chủ với luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác...

Tăng cường công tác kiểm sát việc bắt, giam, giữ, bảo đảm đúng pháp luật; những trường hợp chưa cần bắt, tạm giữ, tạm giam thì kiên quyết không phê chuẩn lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp oan, sai trong bắt, giữ. VKS các cấp chịu trách nhiệm về những oan sai trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam thuộc phạm vi thẩm quyền phê chuẩn của mình.

(3) Khi xét xử, các toà án phải bảo đảm cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, thực sự dân chủ, khách quan; thẩm phán và hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; việc phán quyết của toà án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của người bào chữa, bị cáo, nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền, lợi ích hợp pháp để ra những bản án, quyết định đúng pháp luật, có sức thuyết phục và trong thời hạn quy định.

(4) Các cơ quan tư pháp có trách nhiệm tạo điều kiện để luật sư tham gia vào quá trình tố tụng: tham gia hỏi cung bị can, nghiên cứu hồ sơ vụ án, tranh luận dân chủ tại phiên toà... Đây là một trong những trách nhiệm cần thiết của các cơ quan tư pháp để có thể đạt được hiệu quả cao trong hoạt động tư pháp. Trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, VKS và CQĐT là hai cơ quan có chung nhiệm vụ phát hiện, điều tra và xử lý tội phạm, tuy nhiên, CQĐT và VKS không phải là hợp lực để cùng điều tra mà biểu hiện bằng sự ràng buộc lẫn nhau trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ. CQĐT và VKS có chức năng, nhiệm vụ khác nhau nên trong giai đoạn điều tra mỗi cơ quan được giao những nhiệm vụ, quyền hạn riêng, trong đó CQĐT có trách nhiệm tiến hành chủ yếu các quyết định tố tụng và hoạt động điều tra, VKS có trách nhiệm phối hợp để thực hiện kiểm sát điều tra, bảo đảm hoạt động điều tra tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nhằm bảo đảm cho hoạt động điều tra được tiến hành một cách khẩn trương, đầy đủ, chính xác; đồng thời kịp thời kiểm tra các thủ tục tố tụng để phát hiện vi phạm và yêu cầu ngay CQĐT khắc phục bổ sung. VKS, CQĐT đều là cơ quan tham gia buộc tội, nhưng đóng vai trò

quyết định là VKS và quyết định buộc tội của VKS được dựa trên kết quả hoạt động điều tra của CQĐT để quyết định. Do đó, CQĐT có trách nhiệm thu thập đầy đủ chứng cứ để chứng minh tội phạm, làm sáng tỏ toàn bộ nội dung vụ án để VKS có cơ sở quyết định buộc tội; nếu quá trình điều tra không thu thập được đầy đủ chứng cứ, có thiếu sót, CQĐT khởi tố bị can chưa đủ căn cứ hoặc chưa phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập được thì VKS sẽ không tiến hành buộc tội bị can mà yêu cầu CQĐTĐTBS, tạm đình chỉ hoặc đình chỉ điều tra theo quy định của pháp luật. Như vậy, sự phối hợp chặt chẽ khi tiến hành một số hoạt động điều tra giữa VKS với CQĐT là cần thiết để phục vụ công tác phòng, chống tội phạm ngay từ giai đoạn đầu tiên nhằm hạn chế việc bỏ lọt tội phạm, người phạm tội, làm oan người vô tội và những trường hợp sai phạm của người tiến hành tố tụng khi thi hành nhiệm vụ của mình. Hạn chế tối đa những trường hợp sai phạm, bỏ lọt tội phạm ngay từ ban đầu đồng thời khắc phục sớm được những hậu quả có thể xảy ra nếu có trước khi chuyển sang giai đoạn truy tố, như vậy sẽ không xảy ra tình trạng VKS phải trả hồ sơ yêu cầuĐTBS, đồng thời rút ngắn thời gian xử lý một vụ án hình sự.

Công tác phối hợp giữa các cơ quan khi giải quyết vụ án hình sự góp phần thực hiện mục tiêu của cải cách tư pháp đó là “xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa” mà Nghị quyết số 49/2005/NQ-CP của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã đề ra: *Cải cách tư pháp phải đặt dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, bảo đảm sự ổn định chính trị, bản chất Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội trong quá trình cải cách tư pháp. Các cơ quan tư*

pháp, cơ quan bảo trợ tư pháp phải đặt dưới sự giám sát của các cơ quan dân cử và nhân dân. Bất cứ lĩnh vực nào có quyền lực nhà nước đều cần phải có cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện, trong TTHS VKS là cơ quan thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật, để phát hiện vi phạm pháp luật, bảo đảm mọi hành vi phạm tội, vi phạm pháp luật đều phải được phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh thông qua các hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án không để lọt tội phạm, người phạm tội, không làm oan người vô tội. Thực chất các hoạt động kiểm sát của VKS là việc kiểm soát quyền lực nhà nước trong hoạt động tư pháp hình sự, vì vậy VKS có những quyền hạn nhất định, trong hoạt động điều tra VKS có quyền giám sát, quyền yêu cầu và quyền hủy bỏ các quyết định, hành vi tố tụng của CQĐT mà không có căn cứ pháp luật. Trong thẩm quyền của mình, VKS có quyền giám sát hoạt động điều tra của CQĐT một cách trực tiếp, qua thực hiện quyền giám sát này VKS sẽ có cơ sở để xác định được hoạt động điều tra được thực hiện đúng hay sai, có khách quan, đầy đủ không. VKS có quyền yêu cầu CQĐT thực hiện các hoạt động điều tra thông qua hoạt động giám sát hoạt động điều tra nếu phát hiện việc điều tra chưa đầy đủ, chính xác hoặc có vi phạm pháp luật; yêu cầu CQĐT phải tiến hành hoạt động điều tra đúng pháp luật, kiểm tra việc điều tra, quyết định tố tụng có vi phạm pháp luật trong việc điều tra hay không; yêu cầu CQĐT khắc phục vi phạm trong việc khởi tố, điều tra. CQĐT có trách nhiệm phải thực hiện các yêu cầu, quyết định của VKS.

Kết luận chương 1

1. BLTTHS năm 2015 đã có quy định cụ thể hơn về chế định trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố so với BLTTHS năm 2003. Để đưa ra được khái niệm trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố, luận văn nêu một số quan điểm qua cách tiếp cận ở các góc độ và phạm vi khác nhau, tuy nhiên trong chương 1 của luận văn khái niệm trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố được tiếp cận ở góc độ đó là một hoạt động tố tụng và chỉ trong giai đoạn truy tố.

2. Ngoài việc phân tích các vấn đề lý luận để đưa ra được khái niệm cụ thể về trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố thì chương 1 của luận văn còn nêu lên ý nghĩa pháp lý góp phần nâng cao chất lượng giải quyết vụ án hình sự, giúp giải quyết vụ án hình sự khách quan, minh bạch, công khai. Là cơ sở cho hoạt động xét xử được đúng người, đúng tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, và nêu lên ý nghĩa chính trị - xã hội của chế định liên quan đến đặc điểm thượng tôn pháp luật; tính dân chủ, vì dân của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa bảo đảm quyền không làm oan, sai; đồng thời chỉ ra được sự quan trọng của công tác phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng góp phần thống nhất quyền lực nhà nước.

Chương 2
QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2015
VỀ TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG TRONG
GIAI ĐOẠN TRUY TỐ

2.1. Quy định của BLTTHS năm 2015 về thẩm quyền trả hồ sơ điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố

Trong giai đoạn truy tố, theo quy định tại khoản 1 Điều 245 BLTTHS năm 2015 “VKS ra quyết định trả hồ sơ vụ án, yêu cầu CQĐTĐTBS” VKS có quyền trả hồ sơ để ĐTBS chính là VKS có thẩm quyền truy tố. Trước đây trong BLTTHS năm 2003 không có quy định về thẩm quyền truy tố. BLTTHS năm 2015 đã khắc phục được hạn chế này. Khoản 1 Điều 239 quy định “*Viện kiểm sát cấp nào thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra thì Viện kiểm sát cấp đó quyết định việc truy tố. Thẩm quyền truy tố của Viện kiểm sát được xác định theo thẩm quyền xét xử của Tòa án đối với vụ án*”. Theo quy định này, VKS có thẩm quyền truy tố là VKS đã thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra. Điều luật này cũng quy định rõ “*đối với vụ án do VKS cấp trên thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra thì VKS cấp trên quyết định việc truy tố*”. Việc BLTTHS năm 2015 bổ sung vấn đề này có ý nghĩa quan trọng, giải quyết những vướng mắc liên quan đến thẩm quyền truy tố; xây dựng khung pháp lý để thực hiện tốt hơn chức năng, nhiệm vụ của VKS các cấp, phù hợp với nguyên tắc tập trung thống nhất trong ngành Kiểm sát được Hiến pháp 2013 và Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 quy định. [3, tr.303-304].

Cụ thể hơn, thẩm quyền ra quyết định trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố là Viện trưởng VKS có thẩm quyền truy tố hoặc Phó Viện trưởng VKS khi được phân công. Điểm m khoản 2 Điều 41 BLTTHS năm 2015 quy định khi thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong

hoạt động TTHS, Viện trưởng VKS có quyền quyết định trả hồ sơ để ĐTBS. Ngoài Viện trưởng VKS, Phó Viện trưởng VKS cũng có quyền trả hồ sơ để ĐTBS khi được phân công. Khoản 3 Điều 41 BLTTHS năm 2015 quy định: Khi được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong TTHS, Phó Viện trưởng VKS có những nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. Phó Viện trưởng VKS không được giải quyết khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của mình.

Như vậy, khi thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động TTHS Viện trưởng VKS hoặc Phó Viện trưởng VKS có quyền hạn trả hồ sơ để ĐTBS. Ngoài hai chủ thể trên kể cả Kiểm sát viên phụ trách vụ án thì không ai có quyền ra quyết định trả hồ sơ để ĐTBS. Trong thời hạn quyết định việc truy tố hoặc chuẩn bị xét xử, VKS phải nghiên cứu toàn diện hồ sơ vụ án nhằm kịp thời phát hiện các trường hợp phải trả hồ sơ để ĐTBS. Ở giai đoạn truy tố, ngoài VKS thì không có một cơ quan tiến hành tố tụng nào có quyền trả hồ sơ ĐTBS việc trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố phải được VKS ra quyết định bằng văn bản với tên “Quyết định yêu cầu điều tra bổ sung” (xem phụ lục số 01).

2.2. Quy định của BLTTHS năm 2015 về trường hợp trả hồ sơ điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố

Khoản 1 Điều 245 BLTTHS năm 2015 quy định: VKS ra quyết định trả hồ sơ vụ án, yêu cầu CQĐT ĐTBS khi thuộc một trong các trường hợp: a) Còn thiếu chứng cứ để chứng minh một trong những vấn đề quy định tại Điều 85 của Bộ luật này mà VKS không thể tự mình bổ sung được; b) Có căn cứ để khởi tố bị can về một tội phạm khác; c) Có người đồng phạm hoặc người phạm tội khác liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố bị can; d) Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Quy định này đã được hướng dẫn cụ thể trong Thông tư liên tịch số 02/2017 cụ thể là các trường hợp sau:

- *Còn thiếu chứng cứ để chứng minh mà VKS không thể tự mình bổ sung được*

Trường hợp mà còn thiếu chứng cứ để chứng minh một trong những vấn đề như có hành vi phạm tội xảy ra hay không? Ai là người thực hiện hành vi phạm tội? Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ? Tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra... mà VKS không thể tự mình bổ sung được thì sẽ phải trả hồ sơ cho CQĐT để ĐTBS. Quy định này mở rộng và rõ ràng hơn rất nhiều so với quy định của BLTTHS năm 2003 chỉ nói đơn thuần là “chứng cứ quan trọng của vụ án”. [50]

- Chứng cứ để chứng minh “có hành vi phạm tội xảy ra hay không” là chứng cứ để xác định hành vi đã xảy ra có đủ yếu tố cấu thành tội phạm cụ thể được quy định trong BLHS hay thuộc các trường hợp không phải là hành vi phạm tội (quan hệ dân sự, kinh tế, vi phạm hành chính và các trường hợp khác theo quy định của luật);

- Chứng cứ để chứng minh “thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội” là chứng cứ xác định nếu có hành vi phạm tội xảy ra thì xảy ra vào thời gian nào, ở đâu; phương pháp, thủ đoạn, công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm như thế nào;

- Chứng cứ để chứng minh “ai là người thực hiện hành vi phạm tội” là chứng cứ xác định một chủ thể cụ thể đã thực hiện hành vi phạm tội đó;

- Chứng cứ để chứng minh “có lỗi hay không có lỗi” là chứng cứ xác định chủ thể có lỗi hoặc không có lỗi khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội; nếu có lỗi thì là lỗi cố ý trực tiếp hay lỗi cố ý gián tiếp hoặc lỗi vô ý do quá tự tin hay lỗi vô ý do cẩu thả theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 của BLHS năm 2015;

- Chứng cứ để chứng minh “có năng lực trách nhiệm hình sự không” là chứng cứ xác định khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự chưa; có mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình hay không; nếu có thì mắc bệnh đó vào thời gian nào, trong giai đoạn tố tụng nào;

- Chứng cứ để chứng minh “mục đích, động cơ phạm tội” là chứng cứ xác định chủ thể thực hiện hành vi phạm tội với mục đích, động cơ gì; mục đích, động cơ phạm tội là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự hay là tình tiết định tội, tình tiết định khung hình phạt;

- Chứng cứ để chứng minh “tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can” là chứng cứ xác định bị can được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 51, Điều 84 của BLHS hoặc áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52, Điều 85 của BLHS;

- Chứng cứ để chứng minh “đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo” là chứng cứ xác định lý lịch của bị can, bị cáo; nếu bị can, bị cáo là pháp nhân thương mại thì phải chứng minh tên, địa chỉ và những vấn đề khác có liên quan đến địa vị pháp lý và hoạt động của pháp nhân thương mại;

- Chứng cứ để chứng minh “tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra” là chứng cứ để đánh giá tính chất, mức độ thiệt hại, hậu quả về vật chất, phi vật chất do hành vi phạm tội gây ra;

- Chứng cứ để chứng minh “nguyên nhân và điều kiện phạm tội” là chứng cứ xác định nguyên nhân chủ quan, khách quan, điều kiện cụ thể dẫn đến việc chủ thể thực hiện hành vi phạm tội;

- Chứng cứ để chứng minh “những tình tiết khác liên quan đến việc loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt” là chứng cứ

chứng minh những vấn đề được quy định tại các điều 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 59, 88 và các điều luật khác của BLHS;

- Chứng cứ khác để chứng minh một hoặc nhiều vấn đề quy định tại Điều 85 của BLTTHS mà thiếu chứng cứ đó thì không có đủ căn cứ để giải quyết vụ án, như: chứng cứ để xác định tuổi của người bị buộc tội, người bị hại là người dưới 18 tuổi; chứng cứ để chứng minh vị trí, vai trò của từng bị can, bị cáo trong trường hợp đồng phạm hoặc phạm tội có tổ chức; chứng cứ để xác định trách nhiệm dân sự của bị can, bị cáo và những vấn đề khác có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật;

- Trường hợp pháp nhân thương mại phạm tội thì ngoài việc xác định chứng cứ trong các trường hợp được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l và m khoản này còn phải xác định chứng cứ để chứng minh điều kiện chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại theo quy định tại Điều 75 của BLHS.

- Có căn cứ khởi tố bị can về một hay nhiều tội phạm khác.

Trong trường hợp này, khi có căn cứ cho rằng bị can phạm thêm một tội hay nhiều tội khác, VKS không được tiến hành truy tố luôn về tội mới này mà phải tiến hành trả hồ sơ cho CQĐT để tiến hành xác định tội phạm, thu thập đầy đủ chứng cứ gửi lại cho VKS thì mới có thể tiến hành truy tố về cả tội đã phạm và cả tội mới. Quy định này có thể hiểu một trong hai trường hợp: (1) khởi tố và điều tra về một hay nhiều tội nhưng chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy hành vi của bị can đã thực hiện cấu thành một hay nhiều tội khác; (2) ngoài tội phạm đã khởi tố và điều tra, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy còn có căn cứ để khởi tố bị can về một hay nhiều tội khác. [4, tr.240]

Ở trường hợp 1, bị can thực hiện hành vi bị coi là phạm nhiều tội xảy ra trong trường hợp sau: bị can có nhiều hành vi phạm tội và mỗi hành vi phạm tội thoả mãn một cấu thành tội phạm khác nhau hoặc bị can chỉ có một hành vi phạm tội nhưng hành vi đó đồng thời nhiều cấu thành tội phạm khác nhau,

thỏa mãn định khung của của tội phạm khác. Ở đây, cần chú ý vấn đề bị can phạm nhiều tội do một hành vi và bị can phạm một tội do nhiều hành vi để VKS tránh đưa ra sai quyết định ĐTBSCó thể thấy quy định trong BLTTHS mới đã bao quát hơn so với quy định “có căn cứ để khởi tố bị can về một tội phạm khác” như trước đây. Đây là sự khắc phục những hạn chế đã xảy ra trong quá trình BLTTHS năm 2003 được áp dụng, cũng như trong Thông tư số 01/2010/TTLT-VKSNDTC-BCA-TANDTC hướng dẫn thi hành các quy định của BLTTHS về trả hồ sơ để điều tra bổ sung (Sau đây gọi là Thông tư liên tịch số 01).

- Có người đồng phạm hoặc người phạm tội khác liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố bị can.

Đây là trường hợp sau khi CQĐT khởi tố, điều tra đối với bị can, đến giai đoạn truy tố, VKS phát hiện cùng với bị can có người đồng phạm khác chưa được khởi tố hoặc cùng với bị can còn có người phạm tội khác liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố bị can. Khi phát hiện bị can có đồng phạm hoặc người phạm tội khác liên quan đến vụ án thì VKS có thể tiến hành tách từng vụ án ra để truy tố nhưng nếu không tách được thì VKS buộc phải trả hồ sơ lại cho CQĐT để bổ sung đồng phạm hoặc người phạm tội khác có liên quan trực tiếp tới vụ án vào hồ sơ. Tuy nhiên, So với BLTTHS năm 2003 thì BLTTHS năm 2015, bổ sung thêm quy định về Nhập vụ án trong giai đoạn truy tố, bên cạnh việc bảo đảm các yêu cầu chung thì việc nhập vụ án được tiến hành trong các trường hợp: Bị can phạm nhiều tội; Bị can phạm tội nhiều lần; Nhiều bị can cùng tham gia một tội phạm hoặc cùng với bị can còn có những người khác che giấu tội phạm hoặc không tố giác tội phạm, tiêu thụ tài sản do bị can phạm tội mà có. Tuy nhiên, căn cứ để trả hồ sơ ĐTB (Điều 245) và căn cứ để nhập vụ án (Điều 242) trong giai đoạn truy tố có sự trùng lặp về nội dung giữa điểm c khoản 1 Điều 242 “*Nhiều bị can cùng thực hiện một tội phạm hoặc cùng với bị can còn có những người khác che giấu tội*

phạm hoặc không tố giác tội phạm, tiêu thụ tài sản do bị can phạm tội mà có” với điểm c Khoản 1 Điều 245 “*Có đồng phạm hoặc người phạm tội khác liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố*”. Về bản chất quy định này có thể hiểu được tách ra để cụ thể hóa một phần từ chế định trả hồ sơ để DTBS nên dẫn đến tư duy bị chòng chéo, tuy đã có văn bản dưới luật ban hành để hướng dẫn nhưng những quy định này chưa thực sự rõ ràng dễ xảy ra tình trạng áp dụng không thống nhất. Thực chất hai quy định này có sự khác nhau về mặt bản chất, đó là quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 242 VKS yêu cầu nhập vụ án khi đã có đầy đủ chứng cứ và vụ án có liên quan mật thiết với nhau (Ví dụ: A phạm tội trộm cắp tài sản, B là người phát hiện tài sản đó là tài sản trộm cắp nhưng đem đi tiêu thụ thì VKS sẽ nhập vụ án để truy tố vừa tội trộm cắp tài sản vừa tội tiêu thụ tài sản); còn trường hợp quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 245 thì VKS yêu cầu trả hồ sơ để DTBS khi để lọt tội phạm (Ví dụ: A và B trộm cắp tài sản, nhưng vì lý do nào đấy mà CQĐT đã để lọt đồng phạm trong vụ trộm cắp tài sản với A là B thì VKS sẽ trả hồ sơ yêu cầu CQĐT DTBS).

- Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng

Trường hợp có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng được giải thích là việc cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và đã xâm hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng hoặc làm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan, toàn diện của vụ án. Khi có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì VKS trả hồ sơ để DTBS:

- Lệnh, quyết định của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra mà theo quy định của BLTTHS phải có sự phê chuẩn của VKS, nhưng không có phê chuẩn của VKS hoặc việc ký lệnh, quyết định tố tụng không đúng thẩm quyền;

- Không chỉ định, thay đổi hoặc chấm dứt việc chỉ định người bào chữa cho người bị buộc tội theo quy định tại Điều 76 và Điều 77 của BLTTHS năm 2015;

- Xác định không đúng tư cách tham gia tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử dẫn đến xâm hại nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của họ;

- Khởi tố vụ án hình sự nhưng không có yêu cầu của bị hại hoặc của người đại diện của bị hại theo quy định tại khoản 1 Điều 155 của BLTTHS năm 2015;

- Nhập vụ án hoặc tách vụ án không đúng quy định tại Điều 170 hoặc Điều 242 của BLTTHS năm 2015;

- Không cấp, giao, chuyển, gửi, niêm yết hoặc thông báo văn bản tố tụng gồm lệnh, quyết định, yêu cầu, kết luận điều tra, bản cáo trạng, cho người bị buộc tội và những người tham gia tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật xâm hại nghiêm trọng đến quyền bào chữa, quyền, lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội và những người tham gia tố tụng khác;

- Chưa điều tra, lập lý lịch của bị can; chưa xác định được những đặc điểm quan trọng về nhân thân của bị can, bị cáo (tuổi, tiền án, tiền sự), lý lịch hoạt động của pháp nhân thương mại phạm tội (tên, địa chỉ, những vấn đề khác liên quan đến hồ sơ pháp lý của pháp nhân thương mại);

- Không có người phiên dịch, người dịch thuật cho người tham gia tố tụng trong trường hợp họ không sử dụng được tiếng Việt hoặc tài liệu tố tụng không thể hiện bằng tiếng Việt; họ là người câm, người điếc, người mù theo quy định tại Điều 70 của BLTTHS năm 2015;

- Không từ chối tiến hành, tham gia tố tụng hoặc thay đổi người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong trường hợp quy định tại các điều 49, 51, 52, 53, 54, 68, 69 và 70 của BLTTHS;

- Việc điều tra, thu thập chứng cứ để chứng minh đối với vụ án không đúng trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS năm 2015 nên không có giá trị chứng minh trong vụ án hình sự;

- Biên bản về hoạt động điều tra, thu thập, nhận được tài liệu liên quan đến vụ án mà không chuyển cho VKS theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 88 của BLTTHS năm 2015;

- Chứng cứ để chứng minh đối với vụ án đã được thu thập trong quá trình điều tra, truy tố nhưng không đưa vào hồ sơ vụ án hoặc bị sửa chữa, thêm bớt dẫn đến sai lệch hồ sơ vụ án;

- Việc điều tra, truy tố không đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

- Có căn cứ để xác định có việc bức cung, nhục hình trong quá trình tiến hành tố tụng làm cho lời khai của bị can không đúng sự thật;

- Khiếu nại, tố cáo của bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không được giải quyết theo đúng quy định của pháp luật xâm hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ;

- Những trường hợp khác phải ghi rõ lý do trong quyết định trả hồ sơ để ĐTBS.

Ngoài ra tại khoản 3 Điều 245 BLTTHS năm 2015 thì sau khi VKS trả hồ sơ yêu cầu cơ quan ĐTBS thì CQĐT phải thực hiện đầy đủ những yêu cầu theo như trong quyết định trả hồ sơ của VKS và nếu vì lý do bất khả kháng hoặc vì lý do khách quan mà không thể tiến hành điều tra được thì phải nêu rõ lý do bằng văn bản gửi cho VKS, có thể CQĐT này sẽ ủy quyền điều tra cho CQĐT khác để thực hiện thay nhiệm vụ này.

Ngoài ra, Thông tư liên tịch số 02/2017 quy định rõ 1 số trường hợp không trả hồ sơ để ĐTBS:

Không trả hồ sơ để ĐTBS khi thiếu chứng cứ để chứng minh thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này nhưng vẫn truy tố, xét xử được hoặc không thể thu thập được chứng cứ đó.(Ví dụ có 03 người làm

chúng nhưng chỉ xác định được 02 người; hoặc hiện trường đã bị thay đổi không thể xem xét lại được hay vật chứng đã mất không thể tìm được) [50, K5 Đ3]

- Nếu có căn cứ để tách vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 242 của BLTTHS; [50, K2Đ4]

- Nếu quyết định trả hồ sơ để ĐTBS của Tòa án có căn cứ mà xét thấy không cần phải trả hồ sơ cho CQĐT thì VKS trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra để bổ sung tài liệu, chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 246 của BLTTHS [50, K2Đ4]

- Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nhưng không xâm hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng; [50, K2Đ4]

- Người bị buộc tội, người bị hại, người làm chứng là người dưới 18 tuổi nhưng khi thực hiện hoạt động điều tra, truy tố, xét xử thì họ đã đủ 18 tuổi. [50, K2Đ4]

Như vậy, so với BLTTHS năm 2003 thì BLTTHS 2015 quy định nhiều căn cứ hơn về trả hồ sơ để ĐTBS, trong Bộ luật TTHS 2015 quy định gồm có bốn căn cứ theo khoản 1 Điều 245 và khoản 1 Điều 280. Điểm b khoản 1 Điều 245 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định “Có căn cứ khởi tố bị can về một hay nhiều tội phạm khác”, về mặt diễn đạt điều luật bổ sung cụm từ “một hay nhiều” so với Bộ luật TTHS hiện hành chỉ quy định “có căn cứ để khởi tố bị can về một tội phạm khác” đã thể hiện sự chính xác về kỹ thuật xây dựng văn bản. Rõ ràng, nếu hiểu theo BLTTHS năm 2003 thì chưa bao quát được hết các trường hợp như ngoài tội phạm mà bị can thực hiện đã được khởi tố, điều tra đến thời điểm truy tố phát hiện bị can còn thực hiện từ hai tội phạm khác trở lên thì đây cũng chính là căn cứ để VKS ra Quyết định trả hồ sơ cho CQĐT để ĐTBS. Điểm c khoản 1 Điều 245 và điểm c khoản 1 Điều 280 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định “Có người đồng phạm hoặc người phạm tội khác liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố vụ án, khởi tố bị can”.

Như vậy, BLTTHS năm 2015 đã bổ sung thêm căn cứ nếu có người phạm tội khác liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố vụ án, khởi tố bị can thì cũng được xem là căn cứ để Tòa án, VKS trả hồ sơ để ĐTBS.

2.3. Quy định của BLTTHS năm 2015 về nội dung trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố

- Thời hạn trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố được quy định cụ thể tại Đ240 BLTTHS năm 2015

Trong thời hạn 20 ngày đối với tội phạm ít nghiêm trọng và tội phạm nghiêm trọng, 30 ngày đối với tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng kể từ ngày nhận hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra, VKS phải ra một trong các quyết định: Truy tố bị can trước Tòa án; Trả hồ sơ để yêu cầu ĐTBS; Đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án; đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án đối với bị can. Trường hợp cần thiết, Viện trưởng VKS có thể gia hạn thời hạn quyết định việc truy tố nhưng không quá 10 ngày đối với tội phạm ít nghiêm trọng và tội phạm nghiêm trọng, không quá 15 ngày đối với tội phạm rất nghiêm trọng, không quá 30 ngày đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra một trong các quyết định quy định tại khoản 1 Điều này, VKS phải thông báo cho bị can, người bào chữa hoặc người đại diện của bị can, bị hại biết việc trả hồ sơ để ĐTBS; giao cho bị can hoặc người đại diện của bị can và gửi cho CQĐT, người bào chữa bản cáo trạng, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định tạm đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can hoặc quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với bị can; thông báo cho bị hại, đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Việc giao, nhận các văn bản nêu trên được lập biên bản theo quy định tại Điều 133 của Bộ luật này và đưa vào hồ sơ vụ án. Trường hợp vụ án phức tạp thì thời hạn giao bản cáo trạng, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định tạm đình chỉ vụ án cho bị can hoặc người đại diện của bị can có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày. Các quyết định nêu tại khoản 1 Điều 240 BLTTHS năm

2015 phải được gửi ngay cho VKS cấp trên. Viện trưởng VKS cấp trên có quyền rút, đình chỉ, hủy bỏ các quyết định đó nếu thấy không có căn cứ hoặc trái pháp luật và yêu cầu VKS cấp dưới ra quyết định đúng pháp luật.

- Thủ tục trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố

Thủ tục trả hồ sơ để ĐTBS được quy định tại khoản 2, Điều 245 BLTTHS năm 2015 là VKS ra quyết định trả hồ sơ để yêu cầu ĐTBS và phải ghi rõ vấn đề cần ĐTBS quy định tại khoản 1 Điều 245 BLTTHS năm 2015 về các trường hợp VKS yêu cầu CQĐT ĐTBS và các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 132, văn bản tố tụng phải ghi rõ số, ngày, tháng, năm, địa điểm ban hành văn bản tố tụng; căn cứ ban hành văn bản tố tụng; nội dung của văn bản tố tụng; họ tên, chức vụ, chữ ký của người ban hành văn bản tố tụng và đóng dấu. Trong quyết định trả hồ sơ để ĐTBS phải ghi số, ngày, tháng, năm và lần trả hồ sơ (thứ nhất hoặc thứ hai). Trong phần nội dung phải ghi cụ thể những vấn đề cần phải ĐTBS, những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng cần được khắc phục và những căn cứ pháp luật được áp dụng.

Sau khi có kết quả ĐTBS, VKS xử lý như sau:

- Nếu kết quả ĐTBS không làm thay đổi nội dung cáo trạng trước đó thì VKS có văn bản nêu rõ lý do giữ nguyên quyết định truy tố và chuyển hồ sơ đến Tòa án;

- Nếu kết quả ĐTBS làm thay đổi cơ bản nội dung cáo trạng trước đó thì VKS ban hành cáo trạng mới thay thế và chuyển hồ sơ đến Tòa án;

- Nếu kết quả ĐTBS dẫn đến đình chỉ vụ án thì VKS ra quyết định đình chỉ vụ án và thông báo cho CQĐT, Tòa án biết theo quy định tại Điều 248 của BLTTHS năm 2015. [50, K4Đ10]

2.4. Quy định của BLTTHS năm 2015 về hậu quả pháp lý của việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố

Quyết định trả hồ sơ để ĐTBS của VKS có hiệu lực bắt buộc đối với CQĐT. Nếu VKS đưa ra yêu cầu trả hồ sơ để ĐTBS thì CQĐT phải có trách

nhiệm thực hiện đầy đủ các yêu cầu mà VKS đã nêu trong quyết định trả hồ sơ để ĐTBS. Sau khi CQĐT nhận hồ sơ vụ án nếu thấy yêu cầu trả hồ sơ để ĐTBS của VKS là không có căn cứ thì CQĐT phải có văn bản nêu rõ lý do giữ nguyên kết luận điều tra và chuyển lại hồ sơ vụ án cho VKS, hoặc trong trường hợp CQĐT có lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan mà không thực hiện điều tra được thì phải nêu rõ lý do bằng văn bản gửi VKS. Sau khi kết thúc ĐTBS thì CQĐT phải có bản kết luận ĐTBS và ghi rõ kết quả ĐTBS, quan điểm giải quyết vụ án, trường hợp kết quả ĐTBS làm thay đổi cơ bản kết luận điều tra trước đó thì CQĐT phải ra bản kết luận điều tra mới thay thế theo quy định tại khoản 3 Điều 245 BLTTHS năm 2015, trường hợp kết quả ĐTBS dẫn đến đình chỉ điều tra thì CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra theo quy định tại Điều 230 BLTTHS năm 2015.

Khi VKS nhận kết quả ĐTBS từ CQĐT nếu kết quả ĐTBS làm thay đổi cơ bản nội dung cáo trạng trước đó thì VKS có trách nhiệm ban hành cáo trạng mới thay thế và chuyển hồ sơ đến Tòa án. Trường hợp kết quả ĐTBS không làm thay đổi nội dung cáo trạng trước đó thì VKS có văn bản nêu rõ lý do giữ nguyên quyết định truy tố và chuyển hồ sơ đến Tòa án. Trường hợp kết quả ĐTBS dẫn đến đình chỉ vụ án thì VKS ra quyết định đình chỉ vụ án và thông báo cho CQĐT, Tòa án biết theo quy định tại Điều 248 BLTTHS năm 2015. Việc thực hiện yêu cầu ĐTBS của VKS là nhiệm vụ của CQĐT và CQĐT phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện yêu cầu ĐTBS. Mặt khác, VKS cũng phải chịu trách nhiệm về việc trả hồ sơ yêu cầu ĐTBS không có căn cứ.

Kết luận chương 2

1. Quy định về thẩm quyền trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố trong BLTTHS năm 2015 nêu lên ba nội dung chính: Thứ nhất, quy định khi VKS thực hiện thẩm quyền trả hồ sơ để ĐTBS là VKS đã thực hiện quyền truy tố của mình; thứ hai, quy định thẩm quyền truy tố của VKS là VKS đã thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra; thứ ba, BLTTHS năm 2015 xác định rõ thẩm quyền ra quyết định trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố là Viện trưởng và Phó Viện trưởng VKS.

2. Chương 2 luận văn đã nêu và phân tích về 04 trường hợp trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố được quy định tại Điều 245 BLTTHS năm 2015 và được cụ thể hóa trong Thông thư liên tịch số 02. Đồng thời, nêu được quy định về thời hạn và thủ tục trả hồ sơ để ĐTBS để làm rõ quy định về thủ tục trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố.

3. Từ những phân tích cụ thể nêu lên hậu quả pháp lí của việc trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố đó là mối quan hệ có tính ràng buộc của VKS đối với CQĐT, quyết định trả hồ sơ của VKS trong giai đoạn truy tố có hiệu lực bắt buộc đối với CQĐT, CQĐT có trách nhiệm thực hiện quyết định này của VKS.

Chương 3

THỰC TRẠNG TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG Ở THÀNH PHỐ NINH BÌNH VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

3.1. Thực trạng trả hồ sơ điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố ở Thành phố Ninh Bình

3.1.1. Kết quả đạt được

Theo kết quả thống kê trong báo cáo tổng kết hàng năm của VKSND thành phố Ninh Bình cho thấy: Trong hơn 05 năm qua, từ năm 2013 đến năm 2017, VKS thành phố Ninh Bình đã trả hồ sơ cho CQĐT để ĐTBS 12 vụ, chiếm tỷ lệ 0,16 % trên tổng số 769 vụ do CQĐT đã kết thúc điều tra đề nghị truy tố. VKS Thành phố Ninh Bình đã trả hồ sơ cho CQĐT để ĐTBS chiếm một tỉ lệ rất nhỏ. Có thể thấy, các cơ quan tiến hành tố tụng của Thành phố Ninh Bình đã thực hiện nghiêm túc nội dung của Thông tư liên tịch số 01. Vì vậy, tình trạng trả hồ sơ ĐTBS trong giai đoạn truy tố của VKS ở giai đoạn này là không nhiều, cụ thể:

Năm 2013, trong quá trình thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn truy tố, VKS nhân dân thành phố Ninh Bình đã thụ lý 170 vụ/288 bị can, trong đó có 161 vụ/270 bị can kết thúc điều tra đề nghị truy tố. VKS trả hồ sơ ĐTBS cho CQĐT 02 vụ trên tổng số 161 vụ CQĐT đề nghị truy tố, đạt tỉ lệ 0,012 %. Trong đó, số vụ trả đúng là 02 vụ, đạt tỉ lệ 100%.

Năm 2014, trong quá trình thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn truy tố, VKS nhân dân thành phố Ninh Bình đã thụ lý 150 vụ/294 bị can, trong đó có 149 vụ/293 bị can kết thúc điều tra đề nghị truy tố. VKS trả hồ sơ ĐTBS cho CQĐT 01 vụ trên tổng số 149 vụ CQĐT đề nghị truy tố, đạt tỉ lệ 0,007 %. Trong đó, số vụ trả đúng là 0 vụ, đạt tỉ lệ 0%.

Năm 2015, trong quá trình thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn truy tố, VKS nhân dân thành phố Ninh Bình đã thụ lý 138 vụ/215 bị can, trong đó có 129 vụ/205 bị can kết thúc điều tra đề

ng nghị truy tố. VKS trả hồ sơ ĐTBST cho CQĐT 02 vụ trên tổng số 129 vụ CQĐT đề nghị truy tố, đạt tỉ lệ 0,016 %. Trong đó, số vụ trả đúng là 02 vụ, đạt tỉ lệ 100%.

Năm 2016, trong quá trình thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn truy tố, VKS nhân dân thành phố Ninh Bình đã thụ lý 170 vụ/240 bị can, trong đó có 168 vụ/238 bị can kết thúc điều tra đề nghị truy tố. VKS trả hồ sơ ĐTBST cho CQĐT 02 vụ trên tổng số 168 vụ CQĐT đề nghị truy tố, đạt tỉ lệ 0,012 %. Trong đó, số vụ trả đúng là 02 vụ, đạt tỉ lệ 100%.

Năm 2017, trong quá trình thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn truy tố, VKS nhân dân thành phố Ninh Bình đã thụ lý 169 vụ/308 bị can, trong đó có 162 vụ/289 bị can kết thúc điều tra đề nghị truy tố. VKS trả hồ sơ ĐTBST cho CQĐT 05 vụ trên tổng số 162 vụ CQĐT đề nghị truy tố, đạt tỉ lệ 0,03 %. Trong đó, số vụ trả đúng là 05 vụ, đạt tỉ lệ 100%.

Có thể xem xét tình hình VKSND Thành phố Ninh Bình trả hồ sơ đề ĐTBST trong 5 năm từ năm 2013 đến năm 2017 qua bảng 3.1.

**Bảng 3.1. Tình hình VKSND Thành phố Ninh Bình
trả hồ sơ để điều tra bổ sung từ năm 2013 đến năm 2017**

Năm	Số vụ đề nghị truy tố	Số vụ trả hồ sơ	Tỉ lệ	Số vụ trả đúng	Tỉ lệ
2013	161	2	0,012%	2	100%
2014	149	1	0,007%	0	0%
2015	129	2	0,016%	2	100%
2016	168	2	0,012%	2	100%
2017	162	5	0,03%	5	100%
Tổng	769	12	0,016%	11	91,67%

(Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát từ năm 2013 đến năm 2017)

Qua số liệu thống kê, có thể đưa ra số lượng vụ án bị trả hồ sơ để ĐTBS trong 05 năm (từ năm 2013 đến hết năm 2017) là rất ít, trung bình chỉ chiếm 0,016% tổng số vụ CQĐT đề nghị truy tố; diễn biến tình hình VKSND Thành phố Ninh Bình trả hồ sơ để ĐTBS không đều và có xu hướng tăng, từ 0,012% vào năm 2013 đã tăng lên 0,03% vào năm 2017; chất lượng hoạt động trả hồ sơ để ĐTBS của VKSND Thành phố Ninh Bình khá tốt chiếm tỉ lệ cao (91,67%)

Về thực trạng các trường hợp trả hồ sơ để ĐTBS:

Năm 2013

Trong tổng số 02 vụ VKS trả ĐTBS, trường hợp trả như sau:

- Thiếu chứng cứ quan trọng: 0 vụ
- Có căn cứ yêu cầu khởi tố mới: 01 vụ
- Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng: 01 vụ
- Trả vì lý do khác: 0 vụ

Năm 2014

Trong tổng số 01 vụ VKS trả ĐTBS, trường hợp trả như sau:

- Thiếu chứng cứ quan trọng: 01 vụ
- Có căn cứ yêu cầu khởi tố mới: 0 vụ
- Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng: 0 vụ
- Trả vì lý do khác: 0 vụ

Năm 2015

Trong tổng số 02 vụ VKS trả ĐTBS, trường hợp trả như sau:

- Thiếu chứng cứ quan trọng: 0 vụ
- Có căn cứ yêu cầu khởi tố mới: 01 vụ
- Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng: 01 vụ
- Trả vì lý do khác: 0 vụ

Năm 2016

Trong tổng số 02 vụ VKS trả ĐTBS, trường hợp trả như sau:

- Thiếu chứng cứ quan trọng: 01 vụ
- Có căn cứ yêu cầu khởi tố mới: 0 vụ
- Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng: 01 vụ
- Trả vì lý do khác: 0 vụ

Năm 2017

Trong tổng số 02 vụ VKS trả ĐTBS, trường hợp trả như sau:

- Thiếu chứng cứ quan trọng: 02 vụ
- Có căn cứ yêu cầu khởi tố mới: 01 vụ
- Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng: 01 vụ
- Trả vì lý do khác: 01 vụ

Từ các số liệu trên có thể xem xét thực trạng áp dụng các trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung qua bảng 3.2:

**Bảng 3.2. Thực trạng các trường hợp trả hồ sơ để ĐTBS
ở Thành phố Ninh Bình từ năm 2013 đến năm 2017**

Năm	Số vụ trả	Thiếu chứng cứ		Có yêu cầu khởi tố mới		Vi phạm thủ tục tố tụng		Lý do khác	
		Số vụ	Tỉ lệ	Số vụ	Tỉ lệ	Số vụ	Tỉ lệ	Số vụ	Tỉ lệ
2013	2	0	0	1	50%	1	50%	0	0
2014	1	1	100%	0	0	0	0	0	0
2015	2	0	0	1	50%	1	50%	0	0
2016	2	1	50%	0	0	1	50%	0	0
2017	5	2	40%	1	20%	1	20%	1	0
Tổng	12	4	33,3%	3	25%	4	33,3%	1	8,3%

(Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát từ năm 2013 đến năm 2017)

Qua số liệu trên có thể đưa ra nhận xét sau: Các trường hợp trả hồ sơ để ĐTBS ở Thành phố Ninh Bình tập trung vào 02 trường hợp đó là: thiếu

chứng cứ và vi phạm thủ tục tố tụng. Trong giai đoạn, từ năm 2013 đến năm 2017, ở giai đoạn truy tố, VKS Thành phố Ninh Bình chỉ trả hồ sơ để ĐTBSThông CQĐT Thành phố Ninh Bình là 12 vụ. Trong đó, 04 vụ do có căn cứ thiếu chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà VKS không thể tự mình bổ sung được, 03 vụ có căn cứ yêu cầu khởi tố mới (khởi tố bị can về một tội phạm khác hoặc có người đồng phạm khác), 04 vụ do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, 01 vụ trả hồ sơ vì lý do khác. Thực trạng trên phản ánh quan hệ giữa CQĐT và VKS đã thực hiện khá tốt quy định tại Điều 8 Thông tư liên tịch số 01/2010. Ngoài ra, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã có sự phối hợp chặt chẽ trong quá trình điều tra vụ án ngay từ khi tiếp nhận, phân loại, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm và trong suốt quá trình điều tra vụ án. Điều tra viên và Kiểm sát viên đã làm khá tốt vai trò của mình trong quá trình mà mình phụ trách, bám sát vụ án ngay từ ban đầu. Đồng thời, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã có sự phối hợp trong việc đánh giá các chứng cứ, tài liệu đã thu thập, bảo đảm đầy đủ, hợp pháp ngay trong giai đoạn điều tra.

Các trường hợp VKS trả hồ sơ cho CQĐT để ĐTBST được thể hiện ở các vụ án điển hình như sau:

Vụ án thứ nhất: Viện kiểm sát ra quyết định trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra để điều tra bổ sung khi nghiên cứu hồ sơ vụ án phát hiện thấy: Có căn cứ để khởi tố bị can về một tội phạm khác.

Khoảng 6 giờ 45 phút sáng ngày 27/4/2015 Mai Cao Q sinh năm 1990 (ở tại xã Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình) đang đi trên đường Lý Thái Tổ, phường Thanh Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình thì gặp cháu Nguyễn Thị Ph học sinh lớp 7 đang trên đường đi đến trường trung học cơ sở Trương Hán Siêu, thành phố Ninh Bình. Thấy cháu Ph đi một mình Mai Cao Q đã có hành vi đe dọa cháu Ph nếu ngày mai (ngày 28/4/2015) cháu Ph không đưa cho Q 500.000 đồng thì ngày mai đi học cháu Ph sẽ bị đánh và đe dọa cháu không được nói với bố mẹ. Cháu Ph rất hoang mang, lo sợ nhưng

không biết lấy đâu ra 500.000 đồng đưa cho Q, nên hôm sau cháu Ph chủ động rủ thêm năm bạn học cùng lớp đi học cùng để nếu Ph có gây sự thì sẽ nhờ các bạn can thiệp. Hôm sau, cháu Ph cùng các bạn trên đường đi đến trường thì bị Q chặn đường yêu cầu cháu Ph đưa cho Q 500.000 đồng nhưng cháu Ph nói: "Cháu không có tiền đưa cho chú" ngay lập tức Q đã lao vào vừa đâm, vừa đá cháu Ph và vừa đánh cháu Ph, Mai Văn Q vẫn liên tục yêu cầu cháu Ph phải đưa tiền ngay cho Q. Các bạn cùng đi học với cháu Ph thấy cháu Ph bị đánh đã nhanh chóng chạy vào cổng trường trung học cơ sở Trương Hán Siêu báo cho lực lượng bảo vệ của trường. Ngay lập tức, lực lượng bảo vệ của trường đã lao đến bắt Q và dẫn giải Q đến Công an thành phố Ninh Bình. Tại CQĐT, Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Kết thúc giai đoạn điều tra, CQĐT đã chuyển hồ sơ vụ án sang VKS và trong Bản kết luận điều tra đề nghị truy tố Mai Cao Q về tội: "Cưỡng đoạt tài sản", áp dụng khoản 1 điều 135 của BLHS.

Qua quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án cùng các chứng cứ, tài liệu có liên quan, VKS nhận thấy tội danh "Cưỡng đoạt tài sản" mà CQĐT đề nghị VKS truy tố là chưa đủ căn cứ, chưa đủ yếu tố cấu thành tội danh này (hành vi của bị can có dấu hiệu phạm tội: "Cướp tài sản" được quy định tại điều 133 của BLHS. Do vậy, VKS đã ra quyết định trả hồ sơ đề nghị CQĐTĐTBS khởi tố Mai Cao Q về một tội phạm khác. Như vậy, trong trường hợp này VKS trả hồ sơ để ĐTBS vì có căn cứ khởi tố bị can về một tội phạm khác theo quy định tại khoản 2, điều 168 BLTTHS hiện hành.

Vụ án thứ hai: Viện kiểm sát ra quyết định trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra để điều tra bổ sung khi nghiên cứu hồ sơ vụ án phát hiện thấy: Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng

Khoảng hơn 21 giờ ngày 16/12/2016 trên đoạn đường đi học thêm về qua thôn Phúc Khánh, xã Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình, Nguyễn Trung K sinh ngày 10/1/2001 đã gặp Phạm Văn M sinh ngày 12/3/1994 là chú họ

của K và hai chú cháu vừa đi vừa nói chuyện nhưng vô tình Phạm Văn M nhìn thấy chị Lê Anh T là công nhân của nhà máy xi măng Duyên Hà đi làm ca về đang tắm ở bờ giếng. Vì vô tình nhìn thấy cảnh tượng không mảnh vải che thân của chị T, thú tính của Phạm Văn M đã trỗi dậy, M liền bàn với K và hai chú cháu K đã chạy tới ôm ghì lấy chị T. Bị chị T chống trả quyết liệt, vì sợ chị T la hét, Phạm Văn M đã bảo Nguyễn Trung K bịt miệng chị T và hai chú cháu kéo chị T ra phía cánh đồng lúa đối diện nhà chị T. Vì quá hoảng sợ và lại bị bịt chặt miệng và bị hai chú cháu K đánh đấm liên tục vào mặt vào đầu nên chị T đã bị ngất đi. Hai chú cháu M và K đã thay nhau giao cấu với chị T. Sau khi thỏa mãn cơn thú tính M và K đã đứng dậy và bỏ đi về nhà coi như không có vấn đề gì xảy ra. Sau khi chị T tỉnh dậy chị T đã đến trình báo với Công an thành phố Ninh Bình.

Qua quá trình điều tra, CQĐT đã bắt tạm giam Phạm Văn M. Trong quá trình điều tra hai chú cháu Phạm Văn M và Nguyễn Trung K đã thú nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Kết thúc giai đoạn điều tra, CQĐT đã chuyển hồ sơ vụ án sang VKS nhân dân và trong Bản kết luận điều tra đề nghị truy tố Phạm Văn M và Nguyễn Trung K phạm tội hiếp dâm, áp dụng khoản 2 điều 111 của BLHS. Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án VKS nhân dân đã phát hiện thấy trong suốt quá trình điều tra Nguyễn Trung K đã không hề có Luật sư tham gia để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong khi trên thực tế khi thực hiện hành vi phạm tội Nguyễn Trung K mới có 15 tuổi 11 tháng 6 ngày (chưa đủ 16 tuổi), theo quy định của pháp luật trong quá trình điều tra bắt buộc phải có luật sư tham gia. Như vậy, CQĐT đã vi phạm điểm b khoản 2 điều 57 BLTTHS. Vì vậy, VKS đã ra quyết định trả hồ sơ ĐTBS cho CQĐT vì đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3, điều 168 BLTTHS hiện hành.

Vụ án thứ ba: Viện kiểm sát ra quyết định trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra để điều tra bổ sung khi nghiên cứu hồ sơ vụ án phát hiện thấy: Còn

thiếu những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà Viện kiểm sát không thể tự mình bổ sung được

Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị H cùng sinh năm 1984 trú tại xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình là vợ chồng và hiện đã sinh được hai người con. Tháng 10/2016 vợ chồng H thuê nhà của bà Hà Thị Bình, sinh năm 1963 ở số nhà 405, phố Phú Sơn, phường Nam Bình, thành phố Ninh Bình để làm cửa hàng kinh doanh bình acquy. Quá trình chung sống giữa chị H và anh T thường xảy ra mâu thuẫn do anh T nghi ngờ chị H có quan hệ bất chính với người khác. Khoảng 17 giờ ngày 01/4/2017, anh T đi giao hàng ở tỉnh Hòa Bình và điện thoại nói với chị H là khoảng 1 đến 2 giờ sáng hôm sau mới về. Đến 19 giờ 45 phút cùng ngày, anh Bùi Anh Tuấn, sinh năm 1983 trú tại xã Khánh Hải, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình là anh con bác họ của chị H gọi điện rủ chị H đi uống nước, chị H đồng ý đi. Sau đó anh Tuấn điều khiển xe ô tô đến cửa hàng đón chị H còn T đến 21 giờ 15 phút sau khi giao hàng xong T về nhà thì thấy cửa khóa, chị H không có ở nhà nên anh T đã điện thoại cho chị H nhiều lần nhưng chị H không nghe máy nên anh T rất bức tức và đi ra ngoài đường trước cửa nhà đứng chờ chị H về. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, anh T thấy chị H được anh Tuấn đưa về bằng ô tô, nghĩ chị H đi ngoại tình nên khi chị H đi vào nhà, T đi theo sau và hỏi: "Đi đâu sao gọi điện lại không nghe máy", chị H nói là: "Đi có việc". Do bức tức với thái độ của chị H nên khi chị H đi đến giữa gian phòng khách thì T đi phía sau dùng tay phải tát một cái vào mồm và đấm một cái vào mặt của chị H rồi dùng tay phải dúi đầu chị H làm chị H ngã. Sau đó, T lấy chiếc điều cày được làm bằng tre dài 52 cm, đường kính 5 cm, đầu hút bọc bằng nhôm để tại thùng giấy trên nền nhà gần chỗ T đứng, cầm tay phải vụt vào vùng đầu bên phải một cái, khi chị H lấy tay đỡ T lại cầm điều cày vụt về phía mặt bên phải chị H, dùng chân phải đạp vào hông chị H làm chị H lao đầu về phía cửa ra vào và ngã vào đóng hộp

acquy. Do thấy mồm và mũi chị H có máu nên T đã không đánh chị H nữa và chị H đã tự lê mình vào trong phòng ngủ. Hậu quả chị H bị rách môi trên, gãy một răng cửa hàm trên. Mề một răng tiếp giáp với răng bị gãy, lung lay một răng cửa hàm trên và một răng cửa hàm dưới, mu bàn tay và mạng sườn bên phải bị chấn thương. Sau khi bị đánh, chị H đã gọi điện trình báo sự việc với Công an thành phố Ninh Bình và chị H đã được gia đình đưa vào bệnh viện tỉnh Đa khoa Ninh Bình cấp cứu và điều trị từ ngày 02/4/2017 đến ngày 07/4/2017 thì ra viện. Ngày 09/4/2017 chị H có làm đơn đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Phạm Văn T. CQĐT đã tiến hành trưng cầu giám định xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của chị Nguyễn Thị H. Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 028/2017/Th.T-TTPY ngày 02/5/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Ninh Bình kết luận: tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra đối với chị H là: 12%. Tại CQĐT Phạm Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra chị Nguyễn Thị H có làm đơn tố cáo và khai vào khoảng tháng 02/2015 bị Phạm Văn T dùng song cửa bằng gỗ đánh vào phía sau lưng và mạng sườn bên trái làm gãy xương quai xanh và gãy xương sườn bên trái. Sau đó chị H đã đi khám và bó bột điều trị tại phòng khám của bác sỹ Trần Xuân Thu đường Trương Hái Siêu, phường Phúc Thành, thành phố Ninh Bình. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra đã không tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ và không ra quyết định trưng cầu giám định bổ sung để xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của chị H do bị đánh gãy xương quai xanh và gãy xương sườn bên trái.

CQĐT đã chuyển hồ sơ vụ án sang VKS nhân dân và trong Bản kết luận điều tra đề nghị truy tố Phạm Văn T về tội: "Cố ý gây thương tích", áp dụng điều 104 khoản 2 của BLHS. Qua quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án cùng các chứng cứ, tài liệu có liên quan, VKS nhận thấy cần phải tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ và phải trưng cầu giám định bổ sung để xác định

tỷ lệ tổn thương cơ thể của chị H do bị anh T đánh gãy xương quai xanh và gãy xương sườn bên trái vào tháng 02/2015. Đây là chứng cứ quan trọng để xác định tình tiết định khung hình phạt đối với Nguyễn Văn T mà VKS không thể tự mình bổ sung được. Do vậy, VKS đã ra quyết định trả hồ sơ đề nghị CQĐT bổ sung chứng cứ quan trọng đối với vụ án. Như vậy, trong trường hợp này CQĐT đã điều tra thiếu chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà VKS không tự mình bổ sung được theo quy định tại khoản 1, điều 168 BLTTHS hiện hành.

3.1.2. Hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân của hạn chế, vướng mắc

Hạn chế, vướng mắc:

- VKSND Thành phố Ninh Bình chưa phát hiện hết những trường hợp cần phải trả hồ sơ để ĐTBS.

Thông qua báo cáo tổng kết công tác kiểm sát từ năm 2013 đến năm 2017 có thể rút ra tình hình Tòa án nhân dân Thành phố Ninh Bình trả hồ sơ để ĐTBS từ năm 2013 đến năm 2017 như sau:

Năm 2013:

Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình yêu cầu trả hồ sơ để ĐTBS 1 vụ/9 bị can. Nguyên nhân vì thiếu chứng cứ quan trọng mà Tòa án không thể tự mình bổ sung được.

Năm 2014:

Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình yêu cầu trả hồ sơ để ĐTBS 1 vụ/2 bị can. Nguyên nhân: Tòa án yêu cầu giám định bổ sung. Tuy nhiên, VKS và CQĐT vẫn giữ nguyên quan điểm ban đầu.

Năm 2015:

Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình yêu cầu trả hồ sơ để ĐTBS 2 vụ/3 bị can. Nguyên nhân:

Vụ thứ 1: Tòa án trả hồ sơ do xuất hiện tình tiết mới.

Vụ thứ 2: Tòa án trả hồ sơ theo đề nghị của VKS để thay đổi tội danh.

Năm 2016:

Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình yêu cầu trả hồ sơ để ĐTBS 1 vụ/1 bị can. Nguyên nhân: Tòa án trả hồ sơ do trong khi xét xử tại phiên tòa Tòa phát sinh tình tiết mới không thể bổ sung được tại phiên tòa.

Năm 2017:

Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình yêu cầu trả hồ sơ để ĐTBS 3 vụ/8 bị can. Nguyên nhân:

Vụ thứ 1: Thiếu chứng cứ quan trọng không thể tự mình bổ sung được.

Vụ thứ 2: Tòa án trả hồ sơ theo công văn xin rút lại hồ sơ của VKS để xem xét lại tình tiết vụ án.

Vụ thứ 3: Tòa án trả hồ sơ theo công văn xin rút lại hồ sơ của VKS để đình chỉ vụ án theo tinh thần Nghị quyết số 109 của Quốc hội, theo Điều 25 BLTTHS năm 1999, theo Điều 29 BLTTHS năm 2015.

Giai đoạn 05 năm từ năm 2013 đến năm 2017, Tòa án đã ra quyết định trả hồ sơ để điều tra cho VKS là 08 vụ/12 vụ VKS đã trả hồ sơ cho CQĐT. Trong đó:

03 vụ/08 vụ VKS có đề nghị Tòa án xin rút lại hồ sơ vụ án (37,5%)

01 vụ/08 vụ VKS và CQĐT giữ nguyên quan điểm ban đầu (12,5%)

02 vụ/08 vụ Tòa án trả hồ sơ do thiếu chứng cứ quan trọng (25,0%)

02 vụ/08 vụ Tòa án trả hồ sơ do phát sinh tình tiết mới (25,0%)

Năm 2018 là năm đánh dấu mốc quan trọng đối với pháp luật hình sự Việt Nam, khi BLTTHS năm 2015 có hiệu lực thi hành từ 01/1/2018. Theo đó, các cơ quan tiến hành tố tụng Thành phố Ninh Bình phải thực hiện giải quyết vụ án hình sự theo BLTTHS mới, đồng thời trong vấn đề trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố các cơ quan tiến hành tố tụng phải thực hiện theo Thông tư liên tịch số 02/2017 thay thế cho Thông tư liên tịch 01/2010 trước đó.

Năm 2018 (06 tháng đầu năm)

Trong quá trình thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn truy tố, VKS nhân dân thành phố Ninh Bình thụ lý 84 vụ/143 bị can, trong đó có 80 vụ/139 bị can kết thúc điều tra đề nghị truy tố. Tuy nhiên, trong giai đoạn 06 tháng đầu năm năm 2018, VKS nhân dân thành phố Ninh Bình chưa phải trả hồ sơ nào cho CQĐT để ĐTBS trong giai đoạn truy tố. Khi có sự thay đổi trong việc giải quyết vụ án hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng sẽ mất thời gian để thích nghi, tìm hiểu căn cứ để không xảy ra tình trạng xử lý vụ án hình sự theo BLTTHS cũ. Nhưng trong thời gian 06 tháng đầu năm 2018, trong gian đoạn truy tố VKS trả nhân dân thành phố Ninh Bình chưa phải trả hồ sơ nào cho CQĐT để ĐTBS, đây là một dấu hiệu đáng mừng đối với các bước đầu giải quyết vụ án hình sự theo BLTTHS mới của VKS và CQĐT Thành phố Ninh Bình.

Qua nghiên cứu thực trạng trả hồ sơ để ĐTBS ở thành phố Ninh Bình có thể thấy nguyên nhân của hạn chế, vướng mắc như sau:

Trong giai đoạn, từ năm 2013 đến năm 2017, ở giai đoạn truy tố, VKS Thành phố Ninh Bình đã trả hồ sơ để ĐTBS cho CQĐT Thành phố Ninh Bình là 12 vụ. Trong đó, 04 vụ do có căn cứ thiếu chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà VKS không thể tự mình bổ sung được, 03 vụ có căn cứ yêu cầu khởi tố mới (khởi tố bị can về một tội phạm khác hoặc có người đồng phạm khác), 04 vụ do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, 01 vụ trả hồ sơ vì lý do khác. Tuy nhiên, trong số đó có đến 08 vụ là Tòa án trả hồ sơ cho VKS yêu cầu ĐTBS. Có thể thấy, để xảy ra tình trạng Tòa án phải trả hồ sơ là do trong giai đoạn truy tố VKS đã chưa phát hiện hết các trường hợp cần trả hồ sơ. Trong những trường hợp Tòa án trả hồ sơ để ĐTBS chiếm tỉ lệ cao nhất là VKS có đề nghị Tòa án xin rút lại hồ sơ vụ án, đây là trường hợp mà VKS đã phát hiện ra sai lầm của mình cần phải được khắc phục, tuy nhiên đã không phát hiện kịp thời trong giai đoạn truy tố mà phát hiện sau khi đã chuyển vụ án sang giai đoạn xét xử. Tuy VKS là cơ quan đã phát hiện ra sai lầm và có đề

ngợi xin rút lại hồ sơ vụ án để khắc phục nhưng có thể thấy trách nhiệm của Kiểm sát viên phụ trách vụ án đã chưa phát huy đúng mức với yêu cầu công việc là cần phát hiện ra những sai phạm, thiếu sót và phải khắc phục ngay trong giai đoạn truy tố. Ngoài ra, trường hợp thiếu chứng cứ quan trọng và phát sinh tình tiết mới cũng chiếm tỉ lệ không nhỏ, có thể thấy dễ xảy ra trường hợp này nguyên nhân phát sinh không chỉ trong giai đoạn truy tố mà còn phải từ giai đoạn điều tra, CQĐT và VKS trong quá trình điều tra đã có sự thiếu sót trong quá trình tìm ra sự thật vụ án.

Xã hội phát triển kéo theo sự thay đổi quá nhanh của môi trường xã hội cùng với các loại hình tội phạm như ma túy, trộm cắp, mại dâm, giết người... ngày càng gia tăng; tình trạng phát triển của mạng xã hội dẫn đến tình trạng sống ảo, nhận thức lệch lạc về lối sống, bị lôi cuốn vào các trò chơi bạo lực, thiếu lành mạnh; một số tổ chức truyền bá tư tưởng phạm pháp ngày càng nhiều dễ dàng tác động đến tư tưởng, tâm lý độ tuổi vị thành niên. Do ở độ tuổi này đang phát triển về mặt tâm sinh lý, nhân cách và nhận thức còn chưa cao nên dễ bị tác động từ môi trường xung quanh, cũng như dễ bị dụ dỗ, lôi kéo, lợi dụng để phạm tội. Một bộ phận giới trẻ có sự thay đổi về mặt nhận thức, hành vi, xuống cấp về lối sống và đạo đức gây ra hậu quả là một bộ phận giới trẻ có tư tưởng coi thường pháp luật, coi thường mạng sống của người khác và chính bản thân mình. Họ sẵn sàng bất chấp mọi việc để làm thỏa mãn các nhu cầu cá nhân và không cần biết hậu quả gây ra như thế nào. Dẫn đến tội phạm trong độ tuổi vị thành niên ngày càng gia tăng, độ tuổi phạm tội ngày càng bị trẻ hóa. Ngoài ra, trong độ tuổi vị thành niên ngày nay, ngoại hình phát triển sớm, phổng phao nên nếu CQĐT sơ sót có dẫn đến sai lầm trong độ tuổi phạm tội mà bỏ qua không mời người bào chữa cho người dưới 18 tuổi thì đến giai đoạn truy tố VKS phải yêu cầu CQĐT ĐTBST vì đã vi phạm thủ tục tố tụng.

Tội phạm diễn biến ngày càng phức tạp, quy mô, tính chất, mức độ và thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi. Như đối tượng cờ bạc có phương thức hoạt động chủ yếu trên mạng internet, phương thức thanh toán tiền cược được chung chi nhiều tầng qua hệ thống ngân hàng với tài khoản ảo, hệ thống máy chủ đặt tại nước ngoài; đối tượng môi giới mại dâm tham gia đường dây của những kẻ điều hành các mạng có địa chỉ ở nước ngoài, gái mại dâm ít khi xuất hiện mà mời chào khách qua mạng xã hội. Tội phạm có tổ chức gây khó khăn cho cơ quan chức năng trong quá trình phát hiện, đấu tranh, ngăn ngừa tội phạm. Dẫn đến, quá trình điều tra của CQĐT khi phát hiện đường dây tội phạm gặp nhiều khó khăn, dễ gây ra tình trạng bỏ lọt tội phạm hay phát hiện đồng phạm, do đó khi có căn cứ cho rằng có đồng phạm hay người phạm tội khác thì VKS có thể đưa ra yêu cầu ĐTBS đối với CQĐT. Trong những năm gần đây, tình hình tội phạm trong cả nước nói chung có diễn biến ngày càng phức tạp, thủ đoạn ngày càng tinh vi có quy mô và tổ chức; mức độ nguy hiểm ngày càng gia tăng dẫn đến ngày càng có nhiều hậu quả nghiêm trọng xảy ra. Trong vụ án phạm tội với nhiều đối tượng tham gia có tổ chức thì việc xác minh gặp nhiều khó khăn, các chứng cứ thu thập được chưa đáp ứng được yêu cầu chứng minh tội phạm. Ngoài ra, việc sửa đổi, bổ sung Luật và các văn bản áp dụng pháp luật nhưng chưa kịp thời và thiếu cụ thể trong việc giải thích, hướng dẫn của các cơ quan chức năng dẫn đến việc nhận thức và vận dụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán chưa thống nhất. Ngoài ra, còn tồn tại một số cán bộ, Kiểm sát viên được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra chưa có ý thức trách nhiệm chưa cao, có biểu hiện thoái thác, trốn tránh trách nhiệm trong khi thực thi nhiệm vụ. Hoặc một số Kiểm sát viên có hạn chế trong khả năng nghiên cứu hồ sơ, kỹ năng phát hiện vấn đề, chưa có tính chủ động còn trông chờ vào kết quả điều tra và chưa thực sự bám sát quá trình điều tra. Công tác phối hợp liên ngành đôi khi còn chưa chặt chẽ; tinh thần, trách nhiệm của một số Kiểm sát viên, Điều tra viên

còn chưa cao nên dễ dẫn đến tình trạng phải trả đũa ĐTBST. Tuy nhiên, yêu cầu điều tra của VKS có khi còn sơ sài, chung chung, không đầy đủ, rõ ràng; chưa chủ động và phát huy hiệu quả mối quan hệ phối hợp với Điều tra viên trong việc nghiên cứu hồ sơ, thu thập và đánh giá chứng cứ... để bổ sung trước khi kết thúc điều tra dẫn đến kết quả điều tra chưa đáp ứng được yêu cầu để truy tố. Ngoài ra, một số Kiểm sát viên còn chưa chủ động, tích cực nắm bắt vi phạm của các cơ quan tư pháp để thực hiện quyền kiến nghị, yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khắc phục vi phạm trong việc khởi tố, điều tra.

VKS là cơ quan duy nhất tham gia đầy đủ các giai đoạn TTHT. Để bảo đảm mọi hành vi phạm tội được phát hiện, khởi tố, điều tra, xử lý theo pháp luật, không để lọt người, lọt tội, không làm oan người vô tội, thì các hoạt động công tố của VKS phải được thực hiện ngay từ khi tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm. BLTTHT năm 2015 cũng như Điều 12, Điều 13 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 đã quy định nhiệm vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố thuộc về VKS. Tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm là nhiệm vụ quan trọng của VKS, đây là mở đầu các hoạt động TTHT. Khi tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, thì cơ quan có thẩm quyền mới xác định được có tội phạm hay không, để quyết định khởi tố hay quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Trong BLTTHT năm 2003, nhiệm vụ này chưa thực sự được coi trọng, quy định chưa cụ thể, khó thực hiện, thiếu cơ chế kiểm soát đối với hoạt động này nên VKS chỉ thực hiện hoạt động “kiểm sát” việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm của CQĐT. Trong thực tiễn, hoạt động kiểm sát này mang tính thụ động, chỉ khi nào CQĐT xác minh, kết luận, chuyển hồ sơ xác minh kèm theo kết luận khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự, thì lúc đó VKS mới kiểm sát hồ sơ và có quan điểm về việc giải quyết đó. Do đó, VKS không thể nắm và kiểm sát được đầy đủ việc thụ lý,

tiếp nhận và quá trình kiểm tra, xác minh của CQĐT, không tác động vào đề hoạt động đó đảm bảo tính khách quan, toàn diện và triệt để, nhằm chống được oan, sai và bỏ lọt tội phạm. Có thể thấy, công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm của VKS chưa thực sự được chú trọng trong những năm qua nên công tác này chưa thực sự chất lượng, hiệu quả. Chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát giải quyết một số tố giác, tin báo tội phạm của một số vụ án hình sự chưa cao, nên đã để xảy ra tình trạng án phải trả hồ sơ ĐTBST trong giai đoạn truy tố.

3.2. Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố

3.2.1. Tăng cường công tác giải thích pháp luật nhằm thực hiện BLTTHS năm 2015.

Chế định trả hồ sơ để ĐTBST được quy định trong pháp luật TTHS có ý nghĩa hết sức quan trọng, chế định này đảm bảo cho hoạt động điều tra tuân thủ theo các quy định của pháp luật, bảo đảm cho hoạt động truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi phạm tội có căn cứ và cho quá trình giải quyết vụ án hình sự toàn diện, đúng đắn, khách quan, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội. BLTTHS năm 2015 đã được Quốc hội khóa 13 thông qua từ ngày 27 tháng 11 năm 2015, nhưng qua quá trình sửa đổi, bổ sung, Quốc hội ra Nghị quyết 41/2017/QH14 về việc thi hành BLHS số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của BLTTHS số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94.2015/QH13, thì ngày 01 tháng 1 năm 2018 BLTTHS năm 2015 mới có hiệu lực thi hành. Tuy BLTTHS năm 2015 mới được áp dụng thời gian ngắn và chưa được tiếp cận nghiên cứu sâu thực tiễn áp dụng chế định này tuy nhiên nhận định của tác giả thấy những vướng mắc, bất cập trong BLTTHS năm 2003 chế định trả hồ sơ để ĐTBST đã được các nhà làm

luật khắc phục cũng như sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử trong BLTTHS năm 2015. Trước khi BLTTHS năm 2015 được ban hành, các quy định về trả hồ sơ để ĐTBS của BLTTHS năm 2003 được hướng dẫn thực hiện theo Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-VKSNDTC-BCA-TANDTC ngày 27/8/2010, việc thực hiện Thông tư này đã đạt được những kết quả nhất định, giúp các cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết kịp thời, nhanh chóng các vụ án hình sự. Tuy nhiên, tình hình tội phạm ngày càng diễn biến phức tạp, nhiều thủ đoạn tinh vi đến nay một số nội dung quy định trong Thông tư liên tịch số 01/2010 không còn phù hợp với BLTTHS mới, đặc biệt là quy định về căn cứ, nhiều quy định về chế định trả hồ sơ ĐTBS trong giai đoạn truy tố đã được sửa đổi, bổ sung khi BLTTHS 2015 được ban hành. Ngày 22/12/2017, VKSND tối cao, TAND tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư liên tịch số 02 quy định việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong thực hiện một số quy định của BLTTHS về trả hồ sơ để ĐTBS.

Để thực hành quyền công tố của mình VKS không chỉ có quyền trả hồ sơ để ĐTBS mà VKS còn có quyền quyết định truy tố; quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ; quyết định tách, nhập vụ án; chuyển vụ án để truy tố theo thẩm quyền,... thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác để quyết định việc truy tố theo quy định Điều 236 của BLTTHS năm 2015. BLTTHS năm 2015 có quy định về nhập vụ án trong giai đoạn truy tố quy định tại Khoản 1, Điều 242 như sau: VKS quyết định nhập vụ án khi thuộc một trong các trường hợp: a) Bị can phạm nhiều tội; b) Bị can phạm tội nhiều lần; c) Nhiều bị can cùng thực hiện một tội phạm hoặc cùng với bị can còn có những người khác che giấu tội phạm hoặc không tố giác tội phạm, tiêu thụ tài sản do bị can phạm tội mà có. Đây là một quy định mới, BLTTHS năm 2003 không có quy định riêng về việc nhập án hình sự này. Quy định tại điểm c Điều 242 về nhập vụ án trong trường hợp “nhiều bị can cùng thực hiện một tội phạm hoặc cùng với bị can

còn có những người khác che giấu tội phạm hoặc không tố giác tội phạm, tiêu thụ tài sản do bị can phạm tội mà có” có sự trùng lặp với quy định trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 245 “có người đồng phạm hoặc người phạm tội khác liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố bị can”. Chế định trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố được quy định cụ thể hơn trong Thông tư liên tịch số 02/2017, tuy nhiên lại chưa có hướng dẫn về việc nhập vụ án hình sự. Do vậy, tác giả luận văn cho rằng cần phải ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn quy định cụ thể về quy định nhập vụ án hình sự trong giai đoạn truy tố để tránh việc các cơ quan tiến hành tố tụng nhầm lẫn giữa hai quy định này.

3.2.2. Các giải pháp khác

- Tăng cường phối hợp quan hệ và chế ước giữa CQĐT và VKS trong TTTHS; bảo đảm cho việc điều tra tuân thủ Hiến pháp và pháp luật và chính xác, khách quan, toàn diện, đầy đủ, không để lọt tội phạm và không làm oan người vô tội.

Để hạn chế việc trả hồ sơ để ĐTBS, VKS và CQĐT phải có sự phối hợp chặt chẽ ngay từ khi tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm và trong suốt quá trình điều tra vụ án. Điều tra viên cần chủ động gửi đầy đủ, kịp thời chứng cứ, tài liệu đã thu thập được cho Kiểm sát viên thụ lý vụ án và thực hiện đầy đủ các yêu cầu điều tra của VKS. Kiểm sát viên có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, nắm chắc tiến độ điều tra vụ án, nghiên cứu kỹ chứng cứ, tài liệu do Điều tra viên đã thu thập; kịp thời đề ra yêu cầu điều tra, chủ động phối hợp với Điều tra viên để điều tra làm rõ những vấn đề cần chứng minh ngay trong giai đoạn điều tra vụ án; đồng thời kiểm sát chặt chẽ các hoạt động điều tra và việc lập hồ sơ vụ án của CQĐT, bảo đảm việc điều tra vụ án khách quan, toàn diện theo quy định của BLTTTHS. Trước khi kết thúc điều tra vụ án ít nhất 10 ngày, Điều tra viên và Kiểm sát viên phải phối hợp để đánh giá các chứng cứ, tài liệu đã thu thập, bảo đảm đầy đủ, hợp pháp; nếu

phát hiện có một trong các căn cứ cần bổ sung thì phải yêu cầu CQĐT bổ sung, khắc phục ngay trong giai đoạn điều tra; đối với những vụ án đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, CQĐT và VKS phải tiến hành sơ kết, đánh giá toàn diện kết quả điều tra vụ án, chỉ đạo điều tra giải quyết những vấn đề còn mâu thuẫn, tồn tại và quyết định việc kết thúc điều tra, hướng xử lý vụ án theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận hồ sơ vụ án và kết luận điều tra, Kiểm sát viên phải nghiên cứu kỹ hồ sơ, kiểm tra việc chấp hành các thủ tục tố tụng, tính đầy đủ, hợp pháp của các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án. Kiểm sát viên phải trực tiếp hỏi cung bị can trong các trường hợp bị can kêu oan, khiếu nại hoạt động điều tra hoặc có căn cứ xác định việc điều tra vi phạm pháp luật hoặc trong trường hợp khác khi xét thấy cần thiết; nếu thấy còn thiếu chứng cứ, tài liệu hoặc có vi phạm thủ tục tố tụng mà tự mình có thể bổ sung được thì Kiểm sát viên phối hợp với Điều tra viên để bổ sung, khắc phục kịp thời; trường hợp không thể bổ sung được thì Kiểm sát viên phải báo cáo lãnh đạo VKS để xem xét, quyết định. Trong giai đoạn truy tố, nếu thấy vụ án có những vấn đề phức tạp về chứng cứ, tội danh; phát sinh những vấn đề phức tạp hoặc trong trường hợp cần thiết khác, VKS cần chủ động phối hợp liên ngành với CQĐT và Tòa án để đưa ra phương hướng giải quyết vụ án cũng như làm rõ những vấn đề cần phải ĐTBST nhằm bảo đảm việc trả hồ sơ để ĐTBST đúng trọng tâm, triệt để và kịp thời.

Có thể thấy quá trình điều tra giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình giải quyết một vụ án hình sự, là giai đoạn tiền đề cho giai đoạn truy tố, xét xử và thi hành án tiếp theo, ảnh hưởng trực tiếp đến việc xét xử đúng đắn, khách quan của Tòa án. Do đó, pháp luật TTHS đã có quy định chặt chẽ về các biện pháp điều tra, nguyên tắc “Tuân thủ pháp luật trong hoạt động điều tra” là nguyên tắc mới được quy định tại Điều 19 BLTTHS năm 2015 như sau: “*Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải tuân thủ pháp luật khi tiến hành hoạt động điều tra theo*

quy định của bộ luật này. Mọi hoạt động điều tra phải tôn trọng sự thật, tiến hành khách quan, toàn diện và đầy đủ; phát hiện nhanh chóng, chính xác mọi hành vi phạm tội, làm rõ chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nguyên nhân, điều kiện phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án.” Liên quan đến vấn đề này, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 cũng đã quy định nguyên tắc tổ chức điều tra hình sự tại Khoản 1,2 Điều 3 như sau: (1) Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. (2) Bảo đảm sự chỉ đạo, chỉ huy thống nhất, hiệu lực, hiệu quả; phân công, phân cấp rành mạch, chuyên sâu, tránh chồng chéo và được kiểm soát chặt chẽ; điều tra kịp thời, nhanh chóng, chính xác, khách quan, toàn diện, đầy đủ, không để lọt tội phạm, và không làm oan người vô tội CQĐT phải tuân thủ Hiến pháp, chấp hành nghiêm chỉnh những quy định của BLTTHS, Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự và những văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trong việc phát hiện, thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ; nghiêm túc thực hiện các quy định của pháp luật trong công tác bắt, giam giữ, điều tra, xử lý tội phạm; khắc phục những hạn chế, thiếu sót còn tồn tại trong công tác điều tra, xử lý tội phạm... Điều này không chỉ có ý nghĩa lớn đối với những người bị oan, sai mà còn tạo cho người dân tâm lý yên tâm, tin tưởng vào chính sách pháp luật nước ta.

Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự trách nhiệm đặt ra đối với mỗi cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là khác nhau và riêng biệt; cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải nghiêm chỉnh thực hiện những quy định của pháp luật và phải chịu trách nhiệm về những hành vi, quyết định của mình. Tuy nhiên, trong từng giai đoạn tố tụng các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải có sự phối hợp chặt chẽ với nhau, bởi để Tòa án đưa ra bản án xét xử đúng đắn, VKS truy tố đúng người, đúng tội thì phụ thuộc rất nhiều vào việc điều tra, chứng minh chứng cứ của CQĐT. Do đó, việc phối hợp liên ngành là việc hết sức cần thiết, đặc biệt là

sự phối hợp giữa VKS và CQĐT trong giai đoạn truy tố để bảo đảm cho việc điều tra “tuân thủ Hiến pháp và pháp luật” và “chính xác, khách quan, toàn diện, đầy đủ, không để lọt tội phạm và không làm oan người vô tội”.

Công tác phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố là quan trọng và cần thiết, bởi nếu thiếu sự phối kết hợp chặt chẽ giữa công tác điều tra, kiểm sát điều tra, hoạt động tố tụng giữa các cơ quan tiến hành tố tụng sẽ là một trong những nguyên nhân dẫn đến thực trạng trả hồ sơ ĐTBС trong giai đoạn truy tố và làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động trả hồ sơ ĐTBС trong giai đoạn truy tố. *“Tập trung nâng cao chất lượng công tác trong kiểm sát giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; tăng cường trách nhiệm công tác với hoạt động điều tra đảm bảo không để xảy ra oan sai, bỏ lọt tội phạm và người phạm tội”*. Ngay từ đầu năm, đơn vị cần phân công 01 Kiểm sát viên và 01 Điều tra viên chuyên trách kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, những tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Kiểm sát viên cần phối hợp với Điều tra viên ngay từ khi tiếp nhận, phân loại, xử lý tin báo tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố, cũng như trong suốt quá trình điều tra vụ án hình sự. Kiểm sát viên cần phải nắm được các hoạt động điều tra, tiến độ điều tra, nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án. Để nắm chắc nội dung vụ án, đưa ra phương hướng điều tra và xử lý những vấn đề phát sinh được đúng đắn, thống nhất thì trong suốt quá trình điều tra vụ án, Kiểm sát viên phải thường xuyên trao đổi với Điều tra viên để thống nhất điều tra làm rõ những vấn đề cần chứng minh. Dựa trên những chứng cứ do Điều tra viên đã thu thập được, Kiểm sát viên, xem xét, xử lý, đưa ra chứng cứ còn thiếu sót, vi phạm để có căn cứ ra quyết định yêu cầu ĐTBС kịp thời, chính xác. Kiểm sát viên và Điều tra viên phải luôn chủ động liên lạc, phối hợp, kiểm tra chặt chẽ trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, trong những vụ án phức tạp Điều tra viên phải phối hợp với Kiểm sát viên cùng trực tiếp hỏi cung bị can để việc điều tra, xét hỏi được diễn ra một cách minh bạch

và khách quan. Sau đó, cùng kiểm tra, đánh giá các chứng cứ đã thu thập được để làm rõ căn cứ buộc tội và gỡ tội của bị can. Điều tra viên phải chủ động thông báo kết quả điều tra vụ án cho Kiểm sát viên để kịp thời phát hiện và xử lý những khó khăn ngay trong quá trình điều tra vụ án, đảm bảo cho việc điều tra được khách quan, đúng quy định pháp luật. Một trong những hoạt động quan trọng giúp hạn chế việc trả hồ sơ ĐTBST trong giai đoạn truy tố đó là trước khi kết thúc điều tra vụ án, Điều tra viên phải báo cáo, để Kiểm sát viên cùng phối hợp rà soát lại toàn bộ nội dung, chứng cứ hồ sơ vụ án để kịp thời phát hiện, khắc phục những thiếu sót, về chứng cứ, về trình tự thủ tục... Sau khi nhận hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra, Kiểm sát viên phải nghiên cứu kỹ hồ sơ đánh giá tính hợp pháp của chứng cứ được sử dụng trong quá trình chứng minh tội phạm, đồng thời kiểm tra trình tự tiến hành thủ tục tố tụng của CQĐT theo quy định của BLTTHS hiện hành. Kiểm sát viên nên chủ động tiến hành, thực hiện nghiệp vụ điều tra của mình trong một số trường hợp phát hiện thấy thiếu sót, cần khắc phục thay vì trả hồ sơ yêu cầu CQĐT ĐTBST để giúp vụ án rút ngắn được thời gian giải quyết, hạn chế ảnh hưởng đến người tham gia tố tụng cũng như quá trình giải quyết vụ án.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, điều hành hoạt động của VKS và CQĐT.

Công tác quản lý, chỉ đạo điều hành luôn đóng một vai trò hết sức quan trọng đối với bất kỳ cơ quan, đơn vị nào, đặc biệt, đối với cơ quan tiến hành tố tụng thì công tác quản lý, chỉ đạo điều hành càng có vai trò và ý nghĩa quyết định lớn. Cơ quan kiểm sát và CQĐT là hai hệ thống cơ quan nhà nước được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung thống nhất nên công tác quản lý, chỉ đạo điều hành trong hoạt động TTHS là rất quan trọng. Do đó, thiếu sự chú trọng trong công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, điều hành hoạt động của lãnh đạo VKS và CQĐT là một trong những nguyên nhân ảnh

hưởng đến chất lượng, số lượng vụ án trả hồ sơ ĐTBS trong giai đoạn truy tố, để hạn chế vấn đề này cần chú trọng một số vấn đề sau:

Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo VKS, CQĐT tỉnh Ninh Bình cần được thực hiện ngay từ khi nhận thông tin tố giác tội phạm; lãnh đạo các đơn vị phải căn cứ vào năng lực, trách nhiệm, yêu cầu nghiệp vụ đối với từng vụ án hình sự để phân công Kiểm sát viên và Điều tra viên cho phù hợp, đối với vụ án có tính chất phức tạp lãnh đạo các cơ quan tiến hành tố tụng phải cẩn trọng trong việc chọn lựa cán bộ trực tiếp tiến hành giải quyết vụ án phải có năng lực, trình độ, tâm huyết và giàu kinh nghiệm. Đối với những vụ án đặc biệt nghiêm trọng, có tính chất phức tạp, lãnh đạo VKS và CQĐT cần tiến hành họp liên ngành để trao đổi, thống nhất phương án giải quyết vụ án tối ưu nhất nhằm tiến hành giải quyết vụ án đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Trong công tác phối hợp liên ngành, đơn vị cần chủ động, tích cực đảm nhiệm vai trò trung tâm trong việc thực hiện quy chế liên ngành về công tác phối hợp trong đấu tranh phòng chống, xử lý tội phạm; công tác giao ban tuần giữa cấp phó và giao ban tháng với cấp trưởng ba ngành cần được duy trì để kịp thời bàn bạc, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nâng cao chất lượng sinh hoạt liên ngành. Lãnh đạo các cơ quan tiến hành tố tụng tăng cường tổ chức các buổi tổng kết rút kinh nghiệm về vấn đề trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố, để các cán bộ điều tra, kiểm sát viên, người tiến hành tố tụng cùng nhau khắc phục những hạn chế, vướng mắc trong hoạt động điều tra, kiểm sát của mình góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động trả hồ sơ ĐTBS trong giai đoạn truy tố. Lãnh đạo VKS trên địa bàn tỉnh Ninh Bình trước khi ký duyệt các quyết định tố tụng, đặc biệt là quyết định trả hồ sơ ĐTBS trong giai đoạn truy tố lãnh đạo VKS cần có cơ sở chính xác thông qua các hoạt động chỉ đạo, kiểm sát điều tra, nắm tình hình, tiến độ và kết quả điều tra trước đó. Thắt chặt công tác

quản lý, chỉ đạo, điều hành sẽ góp phần không nhỏ trong hạn chế trả hồ sơ ĐTBST trong giai đoạn truy tố.

- Tăng cường đội ngũ cán bộ làm công tác điều tra, truy tố.

Đề BLTTHS năm 2015 được thi hành có hiệu quả nói chung, trong vấn đề trả hồ sơ để ĐTBST trong giai đoạn truy tố nói riêng thì VKS nhân dân thành phố Ninh Bình cần tăng cường công tác giáo dục, rèn luyện, đào tạo chuyên môn đội ngũ cán bộ, tăng cường học hỏi chuyên môn trong những bước đầu triển khai thực hiện luật mới. Cần đề nghị cấp trên mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn, phổ biến các quy định mới của BLTTHS năm 2015, đồng thời nắm chắc Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP quy định việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong thực hiện một số quy định của BLTTHS về trả hồ sơ để ĐTBST nhằm áp dụng đúng quy định pháp luật mới trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Để phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ thanh kiểm tra, giám sát hoạt động giải quyết vụ án hình sự, tỉnh Ninh Bình cần chú trọng hơn việc nâng cao năng lực, nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ điều tra viên, kiểm sát viên, cần mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực hình sự, các quy định của BLHS và BLTTHS mới. VKS tỉnh Ninh Bình cũng cần triển khai và tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 05/CT-VKSTC ngày 14/9/2017 về xây dựng và thi hành hành pháp luật; kế hoạch số 90 ngày 10/8/2017 về thi hành các Luật, Nghị quyết, nhất là Luật, Nghị quyết của Quốc hội có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của ngành kiểm sát. VKS tỉnh Ninh Bình nói chung, VKS thành phố Ninh Bình nói riêng cần tổ chức các lớp tập huấn do ngành tổ chức để Kiểm sát viên trong các đơn vị tham gia; đồng thời quán triệt, cập nhật kịp thời, đầy đủ những điểm mới, cơ quan của các đạo luật cùng với những yêu cầu mới đặt ra cho VKS, qua đó giúp Kiểm sát viên nắm rõ các quy định mới để chủ động tiếp tục nghiên cứu học tập. Tập trung nâng cao trách nhiệm, năng lực, hiệu quả công tác của cán bộ,

nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Công tác cán bộ có vai trò rất quan trọng, là một trong những yếu tố quyết định hiệu quả công việc. Vì vậy, ngay từ đầu lãnh đạo đơn vị có sự phân công, sắp xếp cán bộ một cách hợp lý. Các cán bộ, kiểm sát viên, điều tra viên được phân công tác chuyên môn phù hợp. Ý thức trách nhiệm, trình độ chuyên môn của một số kiểm sát viên, điều tra viên còn chưa cao. Trước tình hình tội phạm diễn biến phức tạp, ngày càng gia tăng cả về số lượng và quy mô, lực lượng cán bộ thực hiện công tác điều tra, truy tố chưa đáp ứng được nhu cầu đặt ra. Vì vậy, cần tập trung vào hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ làm công tác điều tra, truy tố. Tăng cường xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác điều tra, truy tố mạnh cả về chất và về lượng, không ngừng nâng cao tư cách đạo đức, chính trị bằng cách thường xuyên giáo dục chính trị tư tưởng, phẩm chất đạo đức cho những người tiên hành tố tụng. Đề cao tinh thần trách nhiệm, lương tâm, và tôn chỉ nghề nghiệp trong từng đội ngũ án bộ công tác. Thường xuyên có các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ giúp đội ngũ điều tra, truy tố, được đào tạo, bổ sung trình độ chuyên môn, nghiệp vụ công tác. Thông qua các lớp tập huấn, cán bộ ở các đơn vị, cơ quan khác nhau có cơ hội gặp gỡ, trao đổi thông tin, học hỏi những kinh nghiệm từ đồng nghiệp, nâng cao trình độ, nghiệp vụ, hiệu quả điều tra. Bên cạnh đó, cần đổi mới nội dung các chương trình tập huấn, đào tạo nghiệp vụ sao cho việc đào tạo phải gắn kết giữa lý luận và thực tiễn. VKS cần kết hợp với cơ quan, ban ngành liên quan để cùng tổ chức các buổi tọa đàm về chuyên đề “Trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố” nhằm tổng kết, rút kinh nghiệm, trau dồi nghiệp vụ điều tra, truy tố các vụ án hình sự. Cần nhận thức rõ, việc tăng cường đào tạo, bồi dưỡng về năng lực và trình độ cho đội ngũ cán bộ làm công tác điều tra, truy tố, xét xử là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu tác động đến chất lượng, hiệu quả của hoạt động TTHS nói chung, và hoạt động trả hồ sơ ĐTBST trong giai đoạn truy tố nói riêng. Để thực hiện

được mục tiêu đề ra, cần có yêu cầu bắt buộc đặt ra đối với mỗi cán bộ điều tra viên, kiểm sát viên làm công tác hình sự phải nắm chắc các đạo luật cơ bản, trình tự thủ tục tố tụng được quy định trong BLTTHS, BLHS thường xuyên nghiên cứu, cập nhật tích lũy các văn bản quy phạm pháp luật mới về hình sự, các Nghị Quyết, Nghị định, Thông tư hướng dẫn có liên quan đến công tác nghiệp vụ, Quy chế của ngành để áp dụng vào thực tiễn. Nâng cao ý thức, trách nhiệm hành động vì mục đích chung trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

- Cần có quy định cụ thể về xem xét và xử lý trách nhiệm đối với những người tiến hành tố tụng khi để xảy ra việc trả hồ sơ để ĐTBS

Các cơ quan tiến hành tố tụng khi thực hiện công tác điều tra, truy tố, xét xử phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật TTHS; chỉ cần sai sót ở một giai đoạn tố tụng thì việc giải quyết vụ án sẽ không còn đảm bảo khách quan, công bằng, nhanh chóng, kịp thời, dẫn tới phải trả hồ sơ để ĐTBS, ảnh hưởng không nhỏ tới tiến độ giải quyết vụ án hình sự. Vì vậy, việc các cơ quan tiến hành tố tụng khép chặt kỷ luật và xử lý trách nhiệm cá nhân đối với trường hợp trả hồ sơ để ĐTBS do lỗi chủ quan của người tiến hành tố tụng ở bất cứ giai đoạn nào là một việc làm cần thiết. VKS và CQĐT cần thường xuyên tổ chức họp, kiểm điểm, rút kinh nghiệm, xác định nguyên nhân, trách nhiệm trong việc trả hồ sơ ĐTBS trong giai đoạn truy tố. Trách nhiệm của người tiến hành tố tụng là vô cùng quan trọng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Khi thực hiện công tác điều tra, truy tố, người tiến hành tố tụng phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật TTHS, chỉ cần sai sót ở một giai đoạn tố tụng thì việc giải quyết vụ án sẽ không còn đảm bảo khách quan, công bằng, nhanh chóng, kịp thời, dẫn tới phải trả hồ sơ để ĐTBS, ảnh hưởng không nhỏ tới tiến độ giải quyết vụ án hình sự. Trong giai đoạn truy tố, trách nhiệm dẫn đến trả hồ sơ để ĐTBS thuộc về các cán bộ Điều tra viên và Kiểm sát viên. Vì vậy, cần làm rõ quy định của luật về quyền

hạn, trách nhiệm, thẩm quyền của từng đội ngũ cán bộ để có thể quy kết trách nhiệm được chính xác, minh bạch. Để làm được điều này, cần xác định được lỗi trong từng trường hợp cụ thể, trong trường hợp Tòa án trả hồ sơ yêu cầu VKSĐTBS mà VKS đã yêu cầu CQĐTĐTBS, nếu CQĐT không bổ sung thêm thì CQĐT phải nêu rõ trong kết luận điều tra, VKS giữ nguyên quan điểm ban đầu thì VKS không có lỗi. Trường hợp, trong quá trình kiểm sát điều tra, nếu Kiểm sát viên chưa yêu cầu CQĐT thực hiện những yêu cầu trả hồ sơ đểĐTBS của TA thì KSV là người có lỗi. Như vậy, cần phải có chế tài xử lý Kiểm sát viên như: xử lý về mặt thi đua, khen thưởng, xếp loại cuối năm. Kiểm sát viên, điều tra viên khi kiểm sát điều tra phải luôn tập trung làm tốt công tác được giao để đạt được hiệu quả việc điều tra, truy tố, đảm bảo hồ sơ vụ án chính xác, chặt chẽ, hạn chế việc trả hồ sơĐTBS trong giai đoạn truy tố. Nếu để xảy ra vi phạm thì cần có chế tài xử lý trách nhiệm cụ thể đối với Cơ quan tiến hành tố tụng và xử lý nghiêm minh cán bộ điều tra, kiểm sát viên phụ trách vụ án.

Kết luận chương 3

1. Qua kết quả thu thập số liệu vụ án trả hồ sơĐTBS trong giai đoạn truy tố trên địa bàn thành phố Ninh Bình từ năm 2013- 20167, cho thấy số lượng vụ án trả hồ sơ có dấu hiệu tăng nhưng tỉ lệ không đáng kể. Hầu hết các vụ án VKS trả hồ sơ tập trung vào 02 trường hợp đó là: thiếu chứng cứ và vi phạm thủ tục tố tụng. Tuy vậy, do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, cũng như tính phức tạp có trong từng trường hợp cụ thể mà tình trạng trả hồ sơ đểĐTBS trong giai đoạn truy tố vẫn còn tồn tại. Hơn hết, tình trạng Tòa án trả hồ sơ cho VKS chiếm khá nhiều so với số vụ án VKS trả hồ sơ cho CQĐT, chứng tỏ trong giai đoạn truy tố VKS chưa thực sự sát sao, sâu sát toàn bộ các vụ án để dẫn đến tình trạng trả hồ sơ để điều tra sung trong giai đoạn truy tố.

2. Chế định trả hồ sơ ĐTBS trong giai đoạn truy tố trước đây được quy định trong BLTTHS năm 2003 và được hướng dẫn áp dụng, chi tiết tại Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-VKSNDTC-BCA-TANDTC. Qua thời gian dài áp dụng, phải thừa nhận vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế cần khắc phục, như: vẫn còn dễ xảy ra sai sót, làm phát sinh khó khăn, vướng mắc khi giải quyết vụ án, kéo theo việc điều tra, truy tố, xét xử kéo dài; có phần chưa phù hợp trong quan điểm giải quyết vụ án với quy định của pháp luật, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Luận văn đã nêu lên một số hạn chế, vướng mắc cũng như nguyên nhân của một số hạn chế vướng mắc đó.

3. BLTTHS năm 2015 ra đời là một bước tiến mới Việt Nam góp phần hạn chế những vướng mắc, bất cập trong BLTTHS năm 2003 về chế định trả hồ sơ để ĐTBS. Tuy nhiên, để BLTTHS năm 2015 thực sự đi vào thực tế một cách hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng một cách thống nhất thì các cơ quan tiến hành tố tụng cần tăng cường hướng dẫn thực hiện áp dụng quy định về trả hồ sơ để ĐTBS cho phù hợp với những quy định mới. Ngoài ra, cần phải ban hành thêm Thông tư liên tịch hướng dẫn cụ thể hướng dẫn việc nhập hồ sơ vụ án để các cơ quan tiến hành tố tụng tránh được sự nhầm lẫn giữa việc trả hồ sơ để ĐTBS với việc nhập hồ sơ vụ án.

KẾT LUẬN

1. Qua nghiên cứu đề tài “Trả hồ sơ để điều tra để ĐTBS trong giai đoạn truy tố từ thực tiễn thành phố Ninh Bình” luận văn mong muốn đóng góp một số ý kiến, quan điểm về chế định trả hồ sơ ĐTBS trong giai đoạn truy tố. Tác giả chọn đề tài này bởi, chế định “trả hồ sơ ĐTBS trong giai đoạn truy tố” là một trong những vấn đề vẫn còn chứa sự bất cập, chồng chéo trong quy định, hơn nữa vấn đề này cần được nghiên cứu chuyên sâu hơn nữa do vậy, dựa vào nhiều nguồn tài liệu tham khảo luận văn đã có những phân tích, đánh giá, nhìn nhận và rút ra được những nhận định, quan điểm riêng cho luận văn của mình.

2. Luận văn đã đưa ra được một số bất cập, vướng mắc về chế định trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố từ nghiên cứu những quy định của pháp luật TTHS từ BLTTHS năm 1988, BLTTHS năm 2003 đến BLTTHS năm 2015 cùng những văn bản pháp luật khác. Qua đó, có thể nhận thấy pháp luật TTHS về trả hồ sơ để ĐTBS trong giai đoạn truy tố tuy đã có quy định cụ thể hơn ở BLTTHS năm 2015 nhưng vẫn còn tồn tại quy định thiếu sự rõ ràng, thống nhất gây khó khăn cho hoạt động áp dụng pháp luật trong thực tiễn.

3. Qua nghiên cứu số liệu cụ thể về thực trạng trả hồ sơ ĐTBS trong giai đoạn truy tố trên địa bàn thành phố Ninh Bình từ năm 2013 đến năm 2017, tác giả đã phân tích, đánh giá các yếu tố tác động, hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân dẫn đến kết quả trả hồ sơ ĐTBS trong giai đoạn truy tố trên địa bàn thành phố Ninh Bình. Đồng thời đưa ra một giải pháp tăng cường thực hiện quy định của BLTTHS năm 2015 về trả hồ sơ ĐTBS trong giai đoạn truy tố, như: cần có quy định cụ thể về tách hồ sơ vụ án hình sự; giải pháp tăng cường phối hợp quan hệ và chế ước giữa CQĐT và VKS trong TTHS; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho

đội ngũ cán bộ; cần có chế tài xem xét, xử lý trách nhiệm người tiến hành tố tụng khi để xảy ra sai phạm... Các giải pháp này nếu được áp dụng trong thực tiễn sẽ góp phần hạn chế các sai phạm, thiếu sót dẫn đến việc phải trả hồ sơ để ĐTBS.

Việc trả hồ sơ để ĐTBS giữa các cơ quan tiến hành tố tụng có thể được xem là một trong những hoạt động đánh giá chất lượng công tác của cán bộ điều tra viên, kiểm sát viên. Số lượng án trả hồ sơ ĐTBS trong giai đoạn truy tố cũng là một trong những nội dung báo cáo hoạt động công tác ngành. Thực trạng trả hồ sơ ĐTBS trong giai đoạn truy tố trên địa bàn thành phố Ninh Bình có những sự thay đổi nhất định qua từng năm nghiên cứu. Tuy số lượng án trả hồ sơ ĐTBS giai đoạn truy tố có dấu hiệu tăng nhẹ nhưng tổng số lượng án trả hồ sơ lại không nhiều. Do đó, các cơ quan chức năng cần phải quan tâm, sát sao trong từng vụ án cụ thể để có thể hạn chế tới mức tối đa số lượng vụ án trả hồ sơ để ĐTBS.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Anh (chủ biên, 2012), *Bình luận Khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
2. Thái Chí Bình, <http://moj.gov.vn>(Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp), truy cập ngày 20/7/2016.
3. Nguyễn Hòa Bình (2016), Những nội dung mới của BLTTHS năm 2015, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Trần Văn Biên, Đinh Thế Hưng (Đồng chủ biên), (2016), “*Bình luận Khoa học Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*”, Nxb Công an nhân dân;
5. Bộ chính trị ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam (2002) *Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
6. Bộ chính trị ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 202*, Hà Nội.
7. Bộ chính trị ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
8. Nguyễn Thị Hải Châu (2010), *Chế định trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
9. Nguyễn Thị Hải Châu (2015), *Giải pháp nâng cao hiệu quả chế định trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong các quy định của BLTTHS năm 2015*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử.
10. Lê Tấn Cường (2014), *Giải pháp để hạn chế việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố*, *Tạp chí Kiểm sát*, (10), Hà Nội.

11. Trần Vi Dân (2010), Một số giải pháp khắc phục việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung, điều tra lại, *Tạp chí Kiểm sát*, (02), Hà Nội
12. Trần Văn Độ (2011), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
13. Nguyễn Minh Đức (2006), Một số ý kiến về việc áp dụng quy định trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong BLTTHS năm 2003, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, Hà Nội.
14. Nguyễn Minh Đức (2016), Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát trong giai đoạn truy tố và vấn đề nâng cao chất lượng bản cáo trạng, *Tạp chí Kiểm sát* số 16/2016, Hà Nội.
15. Nguyễn Đức Hạnh (2009), *Trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
16. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, (2004), *Nghị quyết 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05-11-2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ ba “xét xử sơ thẩm” của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Hà Nội
17. Trần Xuân Huệ (2009), *Trả hồ sơ để điều tra bổ sung cấp sơ thẩm của tòa án cấp sơ thẩm những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn thạc sĩ, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.
18. Nguyễn Thị Thương Huyền (2016), *Trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm theo Pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hải Phòng*, Luận văn Thạc sĩ Luật Hình sự, Học viện Khoa học xã hội.
19. Học viện Cảnh sát nhân dân (2007), *Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB. CAND, Hà Nội.
20. Vũ Gia Lâm (2013), Hoàn thiện quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về việc Tòa án cấp sơ thẩm trả hồ sơ để điều tra bổ sung, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, Hà Nội.

21. Hoàng Thùy Linh (2016), *Trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong tố tụng hình sự Việt Nam*, *Luận văn thạc sĩ*, Hà Nội.
22. Nguyễn Quý Lộc (2013), *Bàn về chế định “trả hồ sơ để điều tra bổ sung”*, Tạp chí Tòa Án Nhân Dân số 08, Hà Nội.
23. Nguyễn Phúc Lưu (2006), *Trả hồ sơ để điều tra bổ sung - một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, Hà Nội.
24. Nguyễn Phúc Lưu (2006), *Bàn về việc trả hồ sơ vụ án hình sự để điều tra bổ sung*, Tạp chí Kiểm sát, Hà Nội.
25. Đinh Văn Quế (1999), *Vấn đề Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung*, Tạp chí Tòa án nhân dân, Hà Nội.
26. Quốc hội (2013), Hiến pháp 2013.
27. Quốc hội (1999), Bộ luật Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
28. Quốc hội (2015), Bộ luật Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
29. Quốc hội (1988), Bộ luật Tố tụng Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1988, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Quốc hội (2003), Bộ luật Tố tụng Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2003, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
31. Quốc hội (2015), Bộ luật Tố tụng Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
32. Quốc hội (2017), Kế hoạch số 90 ngày 10/8/2017 về thi hành các Luật, Nghị quyết, nhất là Luật, Nghị quyết của Quốc hội có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của ngành kiểm sát.
33. Quốc hội (2015), Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13
34. Quốc hội (2014), Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13
35. Quốc hội (2015), Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13

36. Quốc hội (2017), Nghị quyết 41/2017/QH14 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13
37. Lê Thị Thu Thủy (2017), *Trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố từ thực tiễn Thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Khoa học xã hội.
38. Đào Anh Tới, *Hoàn thiện chế định trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong Bộ luật Tố tụng hình sự* (sửa đổi), Tạp chí Kiểm sát.
39. Trường Đại học Luật Hà Nội (2015), *Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
40. Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), *Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
41. Nguyễn Văn Trọng (2008), *Một số giải pháp nhằm khắc phục việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung chưa chuẩn xác giữa Tòa án và Viện kiểm sát*, Tạp chí Kiểm sát.
42. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2003), Báo cáo số 120/UBTVQH11 ngày 26/7 về giải trình tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Bộ luật Tố tụng Hình sự sửa đổi, Hà Nội.
43. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình (2013), Báo cáo tổng kết công tác năm 2013 và nhiệm vụ công tác năm 2014 của VKSND thành phố Ninh Bình;
44. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình (2014), Báo cáo tổng kết công tác năm 2014 và nhiệm vụ công tác năm 2015 của VKSND thành phố Ninh Bình;
45. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình (2015), Báo cáo tổng kết công tác năm 2015 và nhiệm vụ công tác năm 2016 của VKSND thành phố Ninh Bình;

46. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình (2016), Báo cáo tổng kết công tác năm 2016 và nhiệm vụ công tác năm 2017 của VKSND thành phố Ninh Bình;
47. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình (2017), Báo cáo kết quả công tác năm 2017 và nhiệm vụ công tác năm 2018 của VKSND thành phố Ninh Bình;
48. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình (2017), Báo cáo tổng kết công tác 6 tháng đầu năm 2018;
49. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao (2010), *Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT/VKSNDTC-BCA-TANDTC hướng dẫn thi hành các quy định của BLTTHS về trả hồ sơ để điều tra bổ sung*.
50. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng (2017), *Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP quy định việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong thực hiện một số quy định của BLTTHS về trả hồ sơ để điều tra bổ sung*.
51. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2003), *Tờ trình số 098/VKS ngày 07/5 về dự án Bộ luật Tố tụng Hình sự sửa đổi*, Hà Nội.
52. Trần Thế Vinh (2014), *Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra các vụ án hình sự*, hạn chế việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung.
53. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2017), Chỉ thị số 05/CT-VKSTC ngày 14/9/2017 về xây dựng và thi hành hành pháp luật;
54. Võ Khánh Vinh (chủ biên), (2004), *Bình luận Khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, Nxb Công an nhân dân.

PHỤ LỤC SỐ 01

Mẫu số 133/HS

Theo QĐ số 15 ngày 09 tháng 01 năm 2018

VIỆN KIỂM SÁT[1] ... **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
[2]..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
....., ngày... tháng ... năm 20.....
Số:...../QĐ-VKS...-...[3]

QUYẾT ĐỊNH

TRẢ HỒ SƠ VỤ ÁN ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT.....

Căn cứ các điều 41, 174, 240 và 245[4] Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Kết luận điều tra số... ngày.... tháng.... năm.....
của[5].....;

Căn cứ Quyết định trả hồ sơ vụ án yêu cầu điều tra bổ sung số.....
ngày..... tháng..... năm..... của Tòa án[6].....(nếu có);

Xét thấy[7].....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trả hồ sơ vụ án..... về tội..... quy định tại khoản.....
Điều..... Bộ luật Hình sự cho[8]..... để điều tra bổ sung những vấn đề
sau:

.....
.....
.....
.....

Điều 2. Thời hạn điều tra bổ sung không quá, kể từ ngày⁸..... nhận hồ sơ vụ án và Quyết định này.

Điều 3. Yêu cầu⁸..... thực hiện Quyết định này theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự./.

Nơi nhận:

- Cơ quan điều tra có thẩm quyền;
-;
- Lưu: HSVA, HSKS, VP.

VIỆN TRƯỞNG^[9]
(Ký tên, đóng dấu)

[1] Ghi tên Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp hoặc Viện kiểm sát nhân dân tối cao

[2] Ghi tên Viện kiểm sát ban hành. Trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành thì bỏ mục này

[3] Viết tắt tên Viện kiểm sát ban hành - đơn vị phụ trách (nếu có)

[4] Trường hợp Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung thì căn cứ Điều 246 BLTTHS, trường hợp quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung đối với bị can là pháp nhân thương mại thì bổ sung căn cứ Điều 431 BLTTHS

[5] Ghi tên cơ quan ra Kết luận điều tra vụ án

[6] Ghi tên Tòa án ra quyết định trả hồ sơ vụ án yêu cầu điều tra bổ sung

[7] Nêu rõ lý do trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 245 hoặc khoản 1 Điều 246 BLTTHS.

[8] Ghi tên Cơ quan điều tra có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[9] Trường hợp Phó Viện trưởng được Viện trưởng ủy quyền ký thay thì ghi như sau:

“KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG”